ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP

Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là "Điều khoản và điều kiện chung") là một bộ phận không thể tách rời của Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng doanh nghiệp (Thẻ TDDN), được công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng (https://www.bidv.com.vn) hoặc tại bất kì điểm giao dịch nào của BIDV hoặc hoặc các kênh cung cấp dịch vụ của BIDV. Khi Khách hàng ký kết Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ TDDN và/hoặc các Biểu mẫu Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành thẻ TDDN dành cho khách hàng tổ chức đồng nghĩa với Chủ Thẻ đã đọc và đồng ý với toàn bộ nội dung Điều khoản và điều kiện chung này, đồng thời chịu sự ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện này.

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Điều khoản và điều kiện chung này, các từ ngữ, từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1.1 **BIDV** là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trong từng ngữ cảnh cụ thể là Trụ sở chính và/hoặc các Chi nhánh/Phòng giao dịch và/hoặc các đơn vị khác theo quy định của BIDV từng thời kỳ.

1.2 **Tổ chức phát hành thẻ** (viết tắt là TCPHT) là tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện phát hành Thẻ theo quy định Pháp luật.

1.3 **Tổ chức thanh toán Thẻ** (viết tắt là TCTTT) là tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện thanh toán Thẻ theo quy định Pháp luật.

1.4 **Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (viết tắt TGTT)** bao gồm: tổ chức chuyển mạch thẻ, tổ chức bù trừ điện tử giao dịch thẻ và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có hợp tác với TCTTT.

1.5 **Tổ chức chuyển mạch thẻ (viết tắt là TCCMT)** là TGTT thực hiện việc chuyển mạch các giao dịch thẻ cho các TCPHT, TCTTT, TGTT có hợp tác với TCTTT, TCTQT và ĐVCNT theo các thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên liên quan.

1.6 **Tổ chức thẻ quốc tế** (viết tắt là TCTQT) là tổ chức được thành lập, hoạt động ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài, có thỏa thuận với các Tổ chức phát hành thẻ, Tổ chức thanh toán thẻ, tổ chức chuyển mạch thẻ và/hoặc các bên liên quan để hợp tác về hoạt động thẻ ngân hàng đối với thẻ có mã Tổ chức phát hành thẻ do Tổ chức thẻ quốc tế cấp hoặc thẻ có mã Tổ chức phát hành thẻ của quốc gia khác, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.

1.7 **Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ TDDN** (gọi tắt là "Hợp đồng") bao gồm Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng và các văn bản, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung khác (nếu có) ký kết giữa Chủ thẻ chính và BIDV về việc phát hành và sử dụng Thẻ TDDN.

1.8 **Thẻ ngân hàng (gọi tắt là "Thẻ")** là phương tiện thanh toán do BIDV phát hành để thực hiện giao dịch thẻ theo các điều khoản và điều kiện được các bên thỏa thuận, do BIDV phát hành để thực hiện các giao dịch Thẻ theo nội dung quy định tại Bản Điều khoản và điều kiện này.

1.9 **Thẻ vật lý:** là thẻ có hình thức hiện hữu vật chất, thông thường được làm bằng chất liệu nhựa, có gắn chip điện tử để lưu giữ dữ liệu thẻ, có thông tin in trên thẻ theo quy định của Pháp luật và BIDV từng thời kỳ.

1.10 **Thẻ phi vật lý:** thẻ không hiện hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới dạng điện tử và hiển thị các thông tin trên thẻ theo quy định của Pháp luật và BIDV từng thời kỳ. Thẻ phi vật lý có thể được BIDV in ra thẻ vật lý theo thỏa thuận giữa BIDV và chủ thẻ.

1.11 **Thẻ Chip theo chuẩn EMV (viết tắt là Thẻ Chip)** là sản phẩm Thẻ được gắn chip điện tử với bộ vi xử lý như một máy tính thu nhỏ đa chức năng và ứng dụng, có khả năng lưu trữ các thông tin quan trọng được mã hóa với độ bảo mật cao.
1.12 **Thẻ BIDV không tiếp xúc (Thẻ Contactless)** là Thẻ sử dụng công nghệ thanh toán không tiếp xúc của BIDV.
1.13 **Chủ Thẻ** là cá nhân hoặc tổ chức được BIDV cung cấp Thẻ để sử dụng, bao gồm Chủ Thẻ chính và (các) Chủ Thẻ phụ.
1.14 **Chủ thẻ chính** hoặc **Khách hàng** là tổ chức đứng tên thực hiện giao kết Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ TDDN với BIDV, chịu trách nhiệm cuối cùng đối với khoản cấp tín dụng thẻ theo quy định của pháp luật và của BIDV từng thời kỳ.
1.15 **Chủ thẻ phụ** hoặc **Cá nhân được ủy quyền sử dụng thẻ** là cá nhân được Chủ thẻ chính cho phép sử dụng thẻ và chủ thẻ chính cam kết bằng văn bản thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ TDDN giữa Chủ thẻ chính và BIDV. Chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm về việc sử dụng thẻ với Chủ thẻ chính và BIDV.
1.16 **Chương trình phát hành và quản lý Thẻ** là hệ thống phần cứng và phần mềm quản lý toàn bộ quá trình phát hành và sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ.
1.17 **Chấm dứt sử dụng Thẻ** là việc BIDV không cho Chủ Thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ hoặc Chủ Thẻ chủ động không sử dụng Thẻ.
1.18 **Chữ ký điện tử** là chữ ký được tạo lập dưới dạng dữ liệu điện tử gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu để xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể đó đối với thông điệp dữ liệu.
1.19 **Dịch vụ giao Thẻ/PIN theo yêu cầu** là dịch vụ giao Thẻ và/hoặc PIN theo yêu cầu của Chủ Thẻ tại địa điểm đã được Chủ Thẻ chỉ định bằng văn bản với BIDV.
1.20 **Dịch vụ xác thực giao dịch Thẻ trực tuyến quốc tế** (gọi tắt là Dịch vụ 3D Secure) là dịch vụ xác thực để tăng thêm sự an toàn cho Chủ Thẻ khi thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến tại website có biểu tượng Verified by Visa hoặc Mastercard Identify Check hoặc JCB Secure.
1.21 **Dữ liệu cá nhân** là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể.
1.22 **Đơn vị chấp nhận thẻ** (viết tắt là ĐVCNT) là đơn vị chấp nhận thanh toán chấp nhận thanh toán hàng hóa dịch vụ bằng thẻ.
1.23 **Giao dịch Thẻ** là việc sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán, rút tiền mặt, và các dịch vụ khác theo quy định của Pháp luật và BIDV từng thời kỳ và được BIDV thông báo trên website: www.bidv.com.vn, theo quy định của TCTTT cung ứng theo quy định của pháp luật.
1.24 **Giao dịch trực tuyến** là giao dịch được thực hiện tại ĐVCNT nhưng không cần có sự xuất hiện của Thẻ và/hoặc Chủ Thẻ tại thời điểm thực hiện giao dịch, bao gồm: Giao dịch thanh toán trực tuyến (E-comerce), giao dịch MOTO, giao dịch thanh toán tuần hoàn.
1.25 **Giao dịch thanh toán trực tuyến (E-commerce)** là giao dịch để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trực tiếp trên các website/ứng dụng của ĐVCNT có kết nối với hệ thống thanh toán trực tuyến của BIDV và/hoặc đối tác của BIDV.
1.26 **Giao dịch MOTO** là giao dịch thanh toán không cần có sự xuất hiện của Thẻ và/hoặc Chủ Thẻ. Chủ Thẻ cung cấp cho người bán thông tin chi tiết về tài khoản Thẻ: Số Thẻ, ngày hết hạn Thẻ qua Email hoặc điện thoại để đơn vị chấp nhận Thẻ thực hiện thanh toán giao dịch.
1.27 **Giao dịch thanh toán tuần hoàn** là giao dịch thanh toán không cần có sự xuất hiện của Thẻ và/hoặc Chủ Thẻ, là giao dịch hoặc yêu cầu thanh toán được tự động lặp lại sau lần giao dịch đầu tiên.
1.28 **Giao dịch Thẻ không tiếp xúc** là giao dịch được thực hiện bằng cách chạm hoặc đặt Thẻ BIDV có biểu tượng contactless))) trong cự ly gần với thiết bị chấp nhận thẻ không tiếp xúc.

1.29 **Ngân hàng điện tử** là ứng dụng cài đặt trên điện thoại di động, trang mạng điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn BIDV SmartBanking (SMB), BIDV iBank và các ứng dụng khác do BIDV triển khai trong từng thời kỳ.
1.30 **Ghi nợ** là việc thực hiện làm tăng số dư nợ của Chủ Thẻ bao gồm số tiền giao dịch quy đổi, các phí do BIDV, TCTQT quy định (nếu có), lãi và các khoản phí khác (nếu có) được ghi nợ vào Tài khoản Thẻ tín dụng.
1.31 **Ghi có** là việc thực hiện làm giảm trừ số dư nợ của Chủ Thẻ bao gồm số tiền được hoàn trả, số tiền điều chỉnh do BIDV, TCTQT quy định (nếu có) và các khoản tiền khác (nếu có) được ghi có vào Tài khoản Thẻ tín dụng.
1.32 **Hạn mức tín dụng thẻ (HMTD thẻ)** là số tiền tối đa BIDV cấp cho Chủ Thẻ trong quá trình sử dụng Thẻ.
1.33 **Hạn mức sử dụng Thẻ** là số tiền tối đa mà Chủ Thẻ còn có thể sử dụng trong phạm vi HMTD được cấp. Hạn mức sử dụng thẻ bao gồm hạn mức thanh toán, hạn mức rút tiền mặt và các hạn mức khác trong việc sử dụng thẻ, áp dụng cho từng sản phẩm thẻ, có thể thay đổi theo từng khách hàng và phải tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định khác của pháp luật có liên quan; đồng thời tuân thủ các quy định của các TCTQT, Tổ chức chuyển mạch thẻ, các bên có liên quan mà BIDV là thành viên hoặc có thỏa thuận hợp tác.
1.34 **Hạn mức giao dịch** là số tiền tối đa/tối thiểu Chủ Thẻ được phép sử dụng căn cứ theo loại giao dịch, số lần, ngày, tháng do BIDV, TCTTT, Ngân hàng Nhà nước quy định theo từng thời kỳ.
1.35 **Hạn mức thanh toán hàng hóa dịch vụ** là số tiền tối đa/tối thiểu Chủ Thẻ được phép sử dụng để thanh toán hàng hóa dịch vụ.
1.36 **Hạn mức rút tiền mặt** là số tiền tối đa/tối thiểu mà Chủ Thẻ được phép sử dụng để rút tiền mặt.
1.37 **Hạn mức rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài** là số tiền tối đa/tối thiểu Chủ Thẻ được phép rút tiền mặt tại nước ngoài trong một ngày và không vượt quá hạn mức rút tiền mặt.
1.38 **Hóa đơn giao dịch (viết tắt là HĐGD)** là chứng từ xác nhận các giao dịch Thẻ do Chủ Thẻ thực hiện tại ĐVCNT.
1.39 **Kỳ sao kê là** khoảng thời gian từ ngày lập Sao kê tháng này đến ngày lập Sao kê tháng tiếp theo liền kề.
1.40 **Máy giao dịch tự động** là thiết bị mà chủ thẻ có thể sử dụng để thực hiện các giao dịch như: gửi, nạp, rút tiền mặt, thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ, vấn tin tài khoản, đổi PIN, tra cứu thông tin thẻ hoặc các giao dịch khác theo quy định của BIDV và TCTTT từng thời kỳ.
1.41 **Ngày giao dịch** là ngày Chủ Thẻ thực hiện giao dịch theo ghi nhận trên hệ thống của BIDV.
1.42 **Ngày hạch toán giao dịch** là ngày giao dịch được ghi Nợ/ghi Có vào Tài khoản Thẻ tại hệ thống của BIDV.
1.43 **Ngày sao kê** là ngày BIDV lập Sao kê của Chủ Thẻ.
1.44 **Ngày đến hạn thanh toán** là ngày mà Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán Số dư cuối kỳ sao kê thể hiện trên Sao kê hàng tháng. Nếu Ngày đến hạn thanh toán trùng với ngày nghỉ, hoặc ngày lễ thì sẽ được tính sang ngày làm việc tiếp theo.
1.45 **Mã số xác định Chủ Thẻ** (Personal Identification Number – viết tắt là PIN) là mã số mật được BIDV cấp cho chủ thẻ hoặc chủ thẻ tạo lập theo quy trình được BIDV quy định để sử dụng trong các giao dịch thẻ. Mã số này do Chủ thẻ chịu trách nhiệm bảo mật.
1.46 **Quản lý sử dụng Thẻ** là các đề nghị nhận Thẻ/PIN, gia hạn Thẻ, thay thế Thẻ, hủy Thẻ, cấp lại PIN, khóa/mở Thẻ, báo mất Thẻ, kích hoạt Thẻ, tăng/giảm HMTD Thẻ, thay đổi hình thức đảm bảo Thẻ, thay đổi thông tin Chủ Thẻ, đăng ký/hủy/thay đổi tỷ lệ trích nợ tự động, … của Chủ Thẻ theo các dịch vụ mà BIDV cung cấp trong từng thời kỳ.
1.47 **Sử dụng Thẻ** là khi Chủ Thẻ thực hiện các giao dịch bằng Thẻ hoặc các thông tin Thẻ tại ĐVCNT hoặc các giao dịch khác theo quy định của BIDV theo từng thời kỳ.

1.48 **Sao kê** là bảng liệt kê bao gồm nhưng không giới hạn các giao dịch Thẻ của Chủ Thẻ, lãi, phí phát sinh trong kỳ sao kê và các bút toán điều chỉnh, thanh toán dư nợ, giao dịch hoàn trả, giao dịc trả thưởng khuyến mại (nếu có) được BIDV lập hàng tháng.

1.49 **Số dư cuối kỳ sao kê** là khoản tiền phải thanh toán của Chủ Thẻ bao gồm giá trị (các) Giao dịch, các khoản phí, lãi phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ được liệt kê trong sao kê hàng tháng.

1.50 **Số tiền thanh toán tối thiểu/Mức trả nợ tối thiểu** là số tiền tối thiểu Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng được thể hiện trên Sao kê hàng tháng, được xác định theo nguyên tắc quy định của BIDV trong từng thời kỳ được công bố tại website www.bidv.com.vn

1.51 **Số tiền giao dịch** là số tiền mà Chủ Thẻ dùng để thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại ĐVCNT hoặc các kênh giao dịch khác theo quy định của BIDV theo từng thời kỳ.

1.52 **Số tiền giao dịch quy đổi** là số tiền giao dịch được quy đổi ra VND theo tỷ giá của các Tổ chức Thẻ hoặc BIDV.

1.53 **Tỷ giá** là tỷ giá quy đổi ra Việt Nam đồng (VND) tại thời điểm Giao dịch Thẻ được Ghi nợ/Ghi có vào Tài khoản Thẻ. Tỷ giá áp dụng đối với các Giao dịch Thẻ là tỷ giá theo quy định Tổ chức Thẻ hoặc theo quy định của BIDV từng thời kỳ.

1.54 **Tài khoản Thẻ** là tài khoản trên Chương trình phát hành và quản lý Thẻ của BIDV để quản lý các giao dịch Thẻ, phí, lãi và các vấn đề phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ. Chủ Thẻ chính và (các) Chủ Thẻ phụ sử dụng chung một tài khoản Thẻ.

1.55 **Tài khoản** bao gồm (các) tài khoản thanh toán và/hoặc (các) tài khoản tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn của Chủ Thẻ mở tại BIDV.

1.56 **Thời hạn hiệu lực Thẻ** là thời hạn cuối cùng mà Thẻ/thông tin Thẻ có thể được sử dụng, không vượt quá thời hạn hiệu lực giấy tờ tùy thân của chủ thẻ và thời hạn cư trú tại Việt Nam đối với người nước ngoài. Thời hạn hiệu lực thẻ được quy định theo từng sản phẩm thẻ và được thông báo tại website:www.bidv.com.vn từng thời kỳ.

1.57 **Thời hạn hiệu lực của HMTD thẻ** là khoảng thời gian duy trì và cho phép khách hàng sử dụng HMTD thẻ của BIDV.

1.58 **Trung tâm chăm sóc khách hàng (Trung tâm CSKH)** là đơn vị hỗ trợ tiếp nhận và xử lý các yêu cầu của Chủ Thẻ qua điện thoại/email và các kênh khác (nếu có) liên quan đến dịch vụ Thẻ theo quy định của BIDV tại từng thời kỳ.

1.59 **Xử lý dữ liệu cá nhân** là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu cá nhân, như: thu thập, ghi, phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu cá nhân hoặc các hành động khác có liên quan.

1.60 **Tính năng trả góp bằng thẻ Tín dụng BIDV** là tính năng cho Thẻ tín dụng phát hành bởi BIDV, cho phép Chủ Thẻ thanh toán dư nợ cho một giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ bằng Thẻ tín dụng bằng cách chia nhỏ tổng số tiền giao dịch thành các khoản thanh toán bằng nhau và được trả nợ trong nhiều kỳ sao kê theo đăng ký của Chủ thẻ và quy định của BIDV trong từng thời kỳ.

ĐIỀU 2: HẠN MỨC TÍN DỤNG (HMTD) VÀ HẠN MỨC SỬ DỤNG THẺ

2.1 HMTD Thẻ cấp thông qua hình thức phát hành Thẻ cho Chủ Thẻ để thực hiện các giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ và rút tiền mặt và do BIDV quyết định.

2.2 Thời hạn hiệu lực của HMTD Thẻ: Theo thỏa thuận của Hợp đồng nhưng không vượt quá thời điểm chấm dứt sử dụng Thẻ theo quy định tại Điều 12 Điều khoản và điều kiện chung này. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng thẻ lần đầu là 12 tháng. Chủ Thẻ đồng ý cho BIDV chủ động gia hạn thời hạn hiệu lực HMTD thẻ nếu Khách hàng đáp ứng đủ điều kiện cấp tín dụng theo quy định của BIDV từng thời kỳ.

2.3 Định kỳ hàng năm hoặc tại bất cứ thời điểm nào mà BIDV đánh giá là cần thiết, BIDV sẽ thực hiện đánh giá lại HMTD Thẻ của Khách hàng. Căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế của Khách hàng và BIDV tại mỗi thời điểm, BIDV có quyền chủ động thay đổi, chấm dứt HMTD đã cấp cho Khách hàng mà không cần sự chấp thuận của Khách hàng. Chủ Thẻ được ủy quyền sử dụng thẻ có thể sử dụng Thẻ trong phạm vi hạn mức sử dụng thẻ tương ứng với từng loại giao dịch. Các hạn mức về sử dụng thẻ sẽ được BIDV quy định tại từng thời kỳ theo từng sản phẩm thẻ, hạng thẻ khác nhau mà Chủ thẻ đã đăng ký sử dụng và được công bố trên wesite:www.bidv.com.vn và/hoặc được BIDV cài đặt theo yêu cầu của Chủ thẻ.

2.4 Chủ Thẻ phải gửi BIDV yêu cầu bằng văn bản/hình thức khác quy định của BIDV trong từng thời kỳ khi có nhu cầu thay đổi HMTD Thẻ, hạn mức sử dụng Thẻ (theo từng thẻ, từng loại giao dịch thanh toán/rút tiền… theo quy định của BIDV từng thời kỳ) nhưng không vượt quá mức theo quy định của BIDV và pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế, sẽ điều chỉnh HMTD/Hạn mức sử dụng Thẻ theo yêu cầu của khách hàng nếu trong khả năng đáp ứng của BIDV.

2.5 Khách hàng được quyền đề nghị thay đổi hạn mức sử dụng Thẻ, hạn mức thanh toán hàng hóa dịch vụ, hạn mức rút tiền mặt nhưng không vượt quá hạn mức theo quy định của pháp luật và BIDV thông qua bằng văn bản tới BIDV hoặc các hình thức khác theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Trường hợp BIDV chấp thuận/không chấp thuận đề nghị sẽ gửi phản hồi cho Chủ Thẻ theo các phương thức quy định của BIDV trong từng thời kỳ.

- Đối với hạn mức rút tiền mặt: Tổng hạn mức rút tiền mặt tính theo BIN của Thẻ tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng hoặc quy định của pháp luật và BIDV từng thời kỳ và được BIDV thông báo trên website: www.bidv.com.vn.

- Đối với hạn mức rút tiền mặt ngoại tệ tại nước ngoài, một Thẻ được rút số ngoại tệ tiền mặt tối đa tương đương ba mươi (30) triệu đồng Việt Nam trong một ngày hoặc quy định của pháp luật và BIDV từng thời kỳ và được BIDV thông báo trên website: www.bidv.com.vn.

- Các hạn mức về sử dụng thẻ sẽ được BIDV quy định tại từng thời kỳ theo từng sản phẩm thẻ, hạng thẻ khác nhau mà Chủ thẻ đã đăng ký sử dụng và được công bố trên wesite:www.bidv.com.vn và/hoặc được BIDV cài đặt theo yêu cầu của Chủ thẻ.

2.6 Vượt HMTD thẻ:

a. Chủ Thẻ đảm bảo sử dụng Thẻ trong phạm vi HMTD đã được BIDV phê duyệt. Việc phát sinh các giao dịch Thẻ dẫn đến vượt HMTD thẻ không có nghĩa BIDV đồng ý tăng HMTD cho Chủ Thẻ. Khi sử dụng Thẻ vượt HMTD, Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán ngay lập tức số tiền vượt HMTD và các khoản phí liên quan cho BIDV.

b. BIDV có quyền từ chối các giao dịch, khóa Thẻ của khách hàng và thu phí vượt HMTD (nếu có) trong trường hợp Tài khoản Thẻ bị vượt HMTD mà không cần thông báo trước cho Chủ Thẻ.

c. BIDV có quyền sử dụng thu nhập, tài khoản, tài sản thuộc sở hữu/đồng sở hữu của Chủ Thẻ mà không cần có sự chấp thuận của Chủ Thẻ để thanh toán phần dư nợ vượt HMTD.

ĐIỀU 3: TÀI SẢN BẢO ĐẢM

3.1. Trường hợp phát hành Thẻ có đảm bảo bằng tài sản bảo đảm (TSBĐ), Khách hàng cam kết rằng:

- Dùng mọi nguồn thu nhập hợp pháp để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán với BIDV.

- Tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Khách hàng và/hoặc Bên thứ ba, không có tranh chấp và đang không bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào khác.

- Ký hợp đồng bảo đảm và thực hiện các thủ tục công chứng/chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật và của BIDV.

- BIDV và các Tổ chức phát hành sổ tiết kiệm/giấy tờ có giá thực hiện phòng tỏa tài khoản/tài sản cầm cố/ký quỹ để phát hành Thẻ.

- BIDV chỉ thực hiện giải chấp TSBĐ sau khi khách hàng đã chấm dứt sử dụng Thẻ theo quy định tại Điều 12 Điều khoản và điều kiện chung này và Chủ Thẻ đã thanh toán toàn bộ dư nợ gốc, lãi, phí, phí phạt phát sinh theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và tại Điều này.

- Trong trường hợp không trả được nợ, Khách hàng phải thực hiện các nghĩa vụ theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo đảm liên quan đến Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp. Nếu tiền thu được do xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ gốc và lãi vay thì Khách hàng có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng.

3.2. Trường hợp phát hành Thẻ không có TSBĐ, Chủ Thẻ cam kết rằng:

- Dùng mọi nguồn thu nhập hợp pháp để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán với BIDV.

- Cam kết bổ sung tài sản bảo đảm trong trường hợp Chủ Thẻ không đáp ứng được chính sách tài sản bảo đảm theo quy định của BIDV, hoặc không còn đáp ứng được các điều kiện tại thời điểm phê duyệt cấp hạn mức tín dụng.

ĐIỀU 4: PHÁT HÀNH VÀ GIAO NHẬN THẺ, SỐ PIN

3.1 Đối với thẻ vật lý: Chủ Thẻ chấp nhận rằng BIDV có toàn quyền chuyển Thẻ/thông tin Thẻ và số PIN cho Chủ Thẻ theo bất kỳ cách thức chuyển giao nào mà BIDV cho là phù hợp và an toàn. Chủ Thẻ được xem là đã nhận được Thẻ và PIN giấy khi Khách hàng/Chủ Thẻ/ Người được ủy quyền nhận thẻ ký xác nhận đã nhận Thẻ và PIN giấy (nếu có) trên chứng từ do BIDV quy định cho từng cách thức giao nhận.

3.2 Đối với thẻ phi vật lý: Chủ Thẻ trực tiếp truy vấn thông tin thẻ trên kênh Ngân hàng điện tử của BIDV triển khai từng thời kỳ và tuân thủ các quy định xác thực khách hàng tại ứng dụng Ngân hàng điện tử. Chủ Thẻ được xem là đã nhận được thông tin Thẻ và EPIN khi Khách hàng/Chủ Thẻ truy vấn thông tin Thẻ lần đầu trên kênh Ngân hàng điện tử.Đối với EPIN, Chủ Thẻ được xem là đã nhận được PIN khi Chủ thẻ truy vấn/đặt PIN lần đầu trên các ứng dụng/dịch vụ ngân hàng điện tử của BIDV. Chủ thẻ có trách nhiệm bảo quản Thẻ, PIN theo hướng dẫn của BIDV và chịu trách nhiệm đối với các rủi ro phát sinh từ/liên quan đến thẻ nếu không do lỗi của BIDV.

3.3 BIDV có quyền nhưng không có nghĩa vụ chấp nhận đề nghị của Chủ Thẻ về việc giao Thẻ vật lý/PIN trực tiếp cho Chủ Thẻ tại một địa chỉ cụ thể. Trong trường hợp BIDV chấp nhận đề nghị giao Thẻ vật lý//PIN trực tiếp cho Chủ Thẻ tại một địa chỉ cụ thể, BIDV sẽ tiến hành nhận dạng Chủ Thẻ thông qua một số thông tin cá nhân của Chủ Thẻ và thông tin trên Thẻ theo quy định của BIDV. BIDV được miễn trừ mọi trách nhiệm trong việc giao Thẻ vật lý//PIN cho Chủ Thẻ khi thông tin nhận dạng Chủ Thẻ nhận được tại thời điểm giao Thẻ vật lý//PIN là chính xác, đầy đủ.

3.4 Chủ Thẻ phải liên hệ nhận Thẻ vật lý//PIN giấy trong vòng 180 ngày kể từ ngày Thẻ vật lý//PIN giấy được phát hành theo thông báo của BIDV trừ khi có thoả thuận khác giữa BIDV và Chủ Thẻ về thời hạn nhận Thẻ vật lý//PIN giấy. Sau thời gian trên, BIDV sẽ tiến hành xử lý Thẻ vật lý//PIN giấy không được nhận theo quy định của BIDV đối với việc không nhận Thẻ vật lý//PIN giấy của Chủ Thẻ và Chủ Thẻ vẫn phải chịu các khoản phí phát hành và/hoặc phí thường niên năm đầu tiên của Thẻ (nếu có).

3.5 Việc khách hàng ủy quyền cho người khác đến nhận Thẻ vật lý//PIN giấy, đề nghị BIDV kích hoạt thẻ phải được lập theo mẫu của BIDV và phải được công chứng, chứng thực tại các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc lập bằng văn bản có xác nhận của BIDV. Trường hợp ủy quyền cho người khác nhận Thẻ vật lý//PIN giấy, đề nghị BIDV kích hoạt thẻ, Chủ thẻ phải chịu mọi rủi ro có thể phát sinh, trừ trường hợp do lỗi xác định phát sinh từ BIDV.

3.6 Chủ thẻ cam kết yêu cầu cá nhân được ủy quyền sử dụng thẻ thực hiện kích hoạt Thẻ theo các phương thức mà BIDV áp dụng theo từng thời kỳ sẽ được chính cá nhân được ủy quyền sử dụng thẻ thực hiện và Chủ thẻ hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các giao dịch phát sinh do cá nhân được ủy quyền sử dụng thẻ kích hoạt Thẻ.

ĐIỀU 5: QUẢN LÝ SỬ DỤNG THẺ

5.1 Phạm vi sử dụng thẻ:

a. Khách hàng ủy quyền cho các Chủ Thẻ phụ để thực hiện toàn bộ các giao dịch đối với thẻ được ủy quyền, nhận sao kê của các Thẻ được ủy quyền sử dụng, nhận bàn giao Thẻ/PIN được ủy quyền sử dụng, thực hiện các yêu cầu tới BIDV phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ… trong phạm vi BIDV cho phép. Chủ Thẻ sử dụng Thẻ đúng mục đích theo quy định tại Hợp đồng để thanh toán hàng hóa, dịch vụ, ứng/rút tiền mặt hoặc các giao dịch khác theo quy định của BIDV từng thời kỳ trong phạm vi Hạn mức giao dịch. Thẻ TDDN không được sử dụng để chuyển khoản (Ghi có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước và nạp tiền vào ví điện tử. Các giao dịch của Chủ Thẻ phải tuân thủ các quy định của Pháp luật và BIDV. Chủ Thẻ không được sử dụng Thẻ cho bất kỳ mục đích bất hợp pháp nào, bao gồm nhưng không giới hạn việc giao dịch khống (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ), giao dịch tiền ảo, cá độ, đánh bạc, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận… hoặc giao dịch bị cấm theo quy định của pháp luật, các TCTQT, Tổ chức chuyển mạch thẻ, các bên liên quan mà BIDV là thành viên hoặc có thỏa thuận hợp tác.

b. Thẻ chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ thẻ với:

b1) Dữ liệu sinh trắc học được lưu trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của người đó do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập; hoặc

b2) Dữ liệu sinh trắc học đã được thu thập và kiểm tra (đảm bảo sự khớp đúng giữa dữ liệu sinh trắc học của người đó với dữ liệu sinh trắc học trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc với dữ liệu sinh trắc học của người đó thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập); hoặc

b3) Dữ liệu sinh trắc học được thu thập thông qua gặp mặt trực tiếp người đó đối với trường hợp là người nước ngoài không sử dụng danh tính điện tử, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch; hoặc

b4) Dữ liệu sinh trắc học của người đó được lưu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp sử dụng thẻ căn cước công dân không có bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa.

5.2 Khi Chủ thẻ đề nghị phát hành Thẻ vật lý thì đồng thời Thẻ đó được phát hành theo hình thức Thẻ phi vật lý. Thẻ phi vật lý khi phát hành sẽ mặc định ở trạng thái hoạt động. Việc Chủ thẻ hoàn thành xác thực đề nghị phát hành Thẻ vật lý/phi vật lý đồng nghĩa với việc Chủ thẻ đã đồng ký kích hoạt Thẻ phi vật lý ngay tại thời điểm thẻ được phát hành. Chủ Thẻ chịu trách nhiệm về tất cả Giao dịch Thẻ phát sinh kể từ thời điểm xác nhận về việc đã nhận được Thẻ hoặc thời điểm kích hoạt Thẻ (tùy thời điểm nào đến trước) và phải bảo quản Thẻ, bảo mật số PIN/thông tin trên Thẻ, thông tin Sao kê hàng tháng và các thông tin phải bảo mật khác của Thẻ.

5.3 BIDV chịu trách nhiệm bảo mật thông tin về Chủ Thẻ, Thẻ, Giao dịch Thẻ ngoại trừ các trường hợp cần cung cấp cho các cá nhân, Tổ chức theo quy định của Pháp luật, TCTQT và/hoặc theo thỏa thuận giữa BIDV và Chủ Thẻ.

5.4 Chủ Thẻ cần tuân thủ các quy định dưới đây để bảo mật thông tin Thẻ/số PIN/các mã số xác nhận Chủ Thẻ khác/thông tin giao dịch thẻ:

a. Ký tên vào mặt sau Thẻ tại phần chữ ký Chủ Thẻ bằng bút bi ngay sau khi nhận được Thẻ và sử dụng chữ ký này khi thực hiện Giao dịch;

b. Bảo quản Thẻ, không tiết lộ số PIN, các thông tin Thẻ bao gồm nhưng không giới hạn ở Số Thẻ, Ngày hết hạn, số CVV2/CVC2, các mã số xác nhận Chủ Thẻ khác (nếu có), thông tin giao dịch Thẻ cho bất kỳ ai (kể cả người thân trong gia đình, bạn bè);

c. Không chuyển nhượng, không cho phép bất kỳ người nào khác sử dụng Thẻ;

d. Không ghi lại số PIN trên bất kỳ vật nào được mang theo hoặc đặt gần Thẻ;

e. Thông báo ngay cho BIDV trong các trường hợp Chủ Thẻ phát hiện Thẻ bị mất cắp hoặc thất lạc hoặc các thông tin trên Thẻ hoặc số PIN hoặc các mã số xác nhận Chủ Thẻ khác (nếu có), thông tin giao dịch Thẻ bị một bên thứ ba sử dụng trái phép hoặc phát hiện các Giao dịch Thẻ bất thường.

f. Chủ Thẻ xác nhận và đồng ý rằng BIDV sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất nào mà Chủ Thẻ phải chịu do hoặc liên quan đến việc không tuân thủ các quy định bảo mật thông tin Thẻ/Giao dịch Thẻ.

5.5 Trong trường hợp Thẻ/thông tin liên quan đến Thẻ/số PIN bị mất/bị đánh cắp/bị sử dụng bởi người khác mà không có sự chấp thuận của Chủ Thẻ, Chủ Thẻ phải:

a. Thông báo ngay cho BIDV qua Trung tâm CSKH hoặc Chi nhánh/Phòng giao dịch BIDV và/hoặc Chủ thẻ có thể chủ động thực hiện khóa Thẻ trên BIDV SmartBanking/BIDV iBank.

b. Cung cấp các thông tin về thời gian, địa điểm Thẻ bị mất, thông tin liên quan đến Thẻ/số PIN bị lộ/đánh cắp, các giao dịch thực hiện cuối cùng và các thông tin khác theo yêu cầu của BIDV.

c. Nộp lại Thẻ cho BIDV trong trường hợp Chủ thẻ nghi ngờ Thẻ bị gian lận và khẳng định không thực hiện Giao dịch trong khi vẫn cầm giữ Thẻ.

d. Trường hợp Thẻ nghi ngờ đã bị lộ thông tin, Chủ Thẻ không được thực hiện kích hoạt lại Thẻ. Nếu tìm lại hoặc thu hồi được Thẻ bị mất hoặc thất lạc sau khi Chủ Thẻ đã thông báo cho BIDV, Chủ Thẻ không được sử dụng lại Thẻ này mà phải cắt đôi Thẻ và gửi lại cho BIDV.

e. BIDV phải thực hiện xử lý việc khoá Thẻ trong vòng 30 phút kể từ thời điểm nhận được thông báo qua điện thoại của Chủ Thẻ.

5.6 Chủ Thẻ phải chịu trách nhiệm đối với tất cả thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho BIDV và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) đối với các giao dịch Thẻ, nếu:

a. Phát sinh từ việc Chủ Thẻ gian lận hoặc không tuân thủ các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện chung này trong quá trình sử dụng Thẻ;

b. Phát sinh từ việc Thẻ bị lợi dụng;

c. Các giao dịch Thẻ trái pháp luật và quy định của BIDV.

5.7 Chủ Thẻ được mặc định đăng ký giao dịch trực tuyến và dịch vụ xác thực giao dịch thanh toán trực tuyến quốc tế (EMV 3Ds) khi phát hành Thẻ để tăng trải nghiệm và bảo mật trong quá trình sử dụng dịch vụ Thẻ. Chủ Thẻ đồng ý để BIDV quyết định việc gửi chủ thẻ xác nhận giao dịch hoặc BIDV chủ động xác nhận giao dịch trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro của hệ thống xử lý EMV 3Ds của BIDV. Trường hợp không đăng ký dịch vụ xác thực giao dịch thanh toán trực tuyến quốc tế, Chủ Thẻ cần đăng ký bỏ qua xác thực giao dịch tại thời điểm phát hành Thẻ và/hoặc chủ động đăng ký bỏ qua xác thực giao dịch trong quá trình sử dụng Thẻ

5.8 Bằng việc đăng ký sử dụng tính năng trả góp qua Thẻ tín dụng BIDV, Chủ Thẻ được xem như đã thống nhất với mọi điều kiện và điều khoản sử dụng tính năng trả góp bằng Thẻ tín dụng

BIDV (Điều kiện và điều khoản sử dụng tính năng trả góp bằng Thẻ tín dụng BIDV trong từng thời kỳ được BIDV thông báo trên website: bidv.com.vn). Đối với trường hợp giao dịch đăng ký trả góp chưa được BIDV chuyển đổi thành công và đã ghi nhận trên sao kê, Chủ Thẻ cần thông báo cho BIDV chậm nhất trong vòng 02 ngày kể từ ngày giao dịch được ghi nhận trên sao kê, sau thời gian này BIDV hoàn toàn miễn trách với lãi/phí phát sinh liên quan (nếu có).

5.9 Chủ Thẻ có quyền yêu cầu BIDV xử lý các yêu cầu đối với dịch vụ Thẻ qua Trung tâm CSKH và các kênh điện tử khác như BSMS, BIDV Smartbanking phù hợp với các thoả thuận giữa BIDV và Chủ Thẻ. Chủ Thẻ phải chịu trách nhiệm và rủi ro (nếu có) đối với các yêu cầu về dịch vụ Thẻ trừ trường hợp lỗi phát sinh từ BIDV. BIDV có quyền (i) ghi âm (các) cuộc trao đổi/ giao dịch qua điện thoại giữa BIDV và Chủ Thẻ để làm chứng từ đề nghị liên quan đến nghiệp vụ Thẻ từ Chủ Thẻ, đồng thời là bằng chứng giải quyết tranh chấp giữa các bên (nếu có); (ii) đề nghị Chủ Thẻ cung cấp các bằng chứng chứng minh việc thực hiện/không thực hiện Giao dịch.

5.10 BIDV có quyền chủ động thay đổi chính sách sản phẩm và số Thẻ và/hoặc ngày hết hạn của Thẻ khi Thẻ được thay thế hoặc gia hạn. Trường hợp thay đổi chính sách sản phẩm, BIDV thực hiện thông báo cho Chủ Thẻ theo các phương thức quy định tại Điều 15. Trường hợp thay đổi số Thẻ và/hoặc ngày hết hạn của Thẻ khi Thẻ được thay thế hoặc gia hạn, Chủ Thẻ tự chịu trách nhiệm đối với việc thông báo sự thay đổi này cho bất kỳ bên nào mà Chủ Thẻ có thể thực hiện Giao dịch Thẻ hoặc có thoả thuận về thanh toán. BIDV không có trách nhiệm về bất kỳ tổn thất hay thiệt hại nào mà Chủ Thẻ có thể phải chịu phát sinh từ việc thay đổi này.

5.11 Thẻ sẽ hết hạn vào ngày cuối cùng của tháng hết hạn được ghi trên Thẻ. Khi hết hạn, Thẻ sẽ không sử dụng được. Khi Thẻ sắp hết hạn sử dụng (ngoại trừ Thẻ Thu phí viên), BIDV sẽ thông báo và hướng dẫn Chủ Thẻ chính thủ tục gia hạn Thẻ qua thư, hoặc điện thoại, hoặc các hình thức khác theo quy định của BIDV theo từng thời kỳ. BIDV có quyền xác thực, xác minh lại khách hàng trong quá trình gia hạn Thẻ. Sau khi nhận được thông báo của BIDV về thời hạn Thẻ hết hạn và việc Chủ Thẻ đủ điều kiện tự động gia hạn Thẻ mà Chủ Thẻ không gửi thông báo từ chối tự động gia hạn Thẻ tới BIDV trước ngày hết hạn ghi trên Thẻ ít nhất 30 ngày thì đồng nghĩa với việc Chủ Thẻ chấp thuận cho phép BIDV tự động gia hạn Thẻ. BIDV sẽ gửi thông báo gia hạn Thẻ và Thẻ đã được gia hạn cho Chủ Thẻ khi Thẻ cũ hết hạn. Bằng việc nhận thông tin gia hạn Thẻ từ ngân hàng hoặc nhận Thẻ hoặc kích hoạt Thẻ hoặc sử dụng Thẻ mà BIDV gửi kèm Thông báo, Chủ Thẻ xác nhận việc gia hạn Thẻ và đồng ý với các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ của NH, đồng thời sẽ chịu sự ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện đó.

5.12 Để bảo đảm giao dịch của Chủ thẻ được thực hiện liên tục, Chủ thẻ đồng ý rằng thông tin thẻ gia hạn hoặc phát hành lại (bao gồm nhưng không giới hạn ở số thẻ và thời hạn hiệu lực) có thể được tự động cập nhật lên hệ thống của Tổ chức thẻ hoặc các đối tác cung ứng dịch vụ thanh toán có liên kết với Tổ chức thẻ, theo quy trình kỹ thuật và quy định của Tổ chức thẻ. Việc cập nhật này chỉ nhằm duy trì tính liên tục của các giao dịch thẻ đã đăng ký và không làm thay đổi phạm vi sử dụng, hạn mức, nghĩa vụ hoặc quyền của Chủ thẻ theo Hợp đồng sử dụng thẻ đã ký kết. Chủ thẻ có quyền gửi đề nghị dừng sử dụng dịch vụ tự động cập nhật bất kỳ lúc nào bằng văn bản hoặc các hình thức thông báo khác hợp lệ theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. BIDV sẽ thực hiện dừng việc cập nhật thông tin thẻ gia hạn/phát hành lại trong thời hạn tối đa 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi xác thực thành công đề nghị của Chủ thẻ. BIDV không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ giao dịch nào được thực hiện trước thời điểm BIDV dừng cập nhật thông tin thẻ gia hạn/phát hành lại của Chủ thẻ, bao gồm cả các giao dịch do Chủ thẻ hoặc bên thứ ba (ví dụ: ví điện tử, đơn vị chấp nhận thẻ, đối tác thanh toán) thực hiện bằng thông tin thẻ mà Chủ thẻ đã cung cấp, lưu giữ hoặc cấp quyền sử dụng trước đó.

5.13 BIDV có quyền từ chối phát hành mới, phát hành lại, gia hạn thẻ của Khách hàng mà không cần cung cấp lí do.

5.14 Chủ Thẻ có trách nhiệm lưu trữ các giấy tờ, chứng từ liên quan đến các giao dịch Thẻ và xuất trình khi BIDV yêu cầu. Trong quá trình phát hành và sử dụng Thẻ, Khách hàng không được thực hiện các hành vi sau:

a. Cung cấp không đầy đủ, chính xác, kịp thời các tài liệu, thông tin, dữ liệu cần thiết theo yêu cầu của BIDV khi đề nghị phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ;

b. Sử dụng Thẻ không đúng mục đích và không thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho BIDV các khoản nợ gốc và lãi, phí phát sinh từ việc sử dụng Thẻ theo hợp đồng đã giao kết với BIDV (áp dụng đối với khách hàng sử dụng Thẻ tín dụng, Thẻ ghi nợ được thấu chi).

c. Tiết lộ, cung cấp thông tin về số dư trên tài khoản thanh toán, số dư Thẻ ngân hàng, số dư ví điện tử và các giao dịch thanh toán của khách hàng tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không đúng theo quy định của pháp luật có liên quan;

d. Mở hoặc duy trì tài khoản thanh toán, ví điện tử nặc danh, mạo danh; mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn tài khoản thanh toán, ví điện tử; thuê, cho thuê, mua, bán, mở hộ Thẻ ngân hàng (trừ trường hợp Thẻ trả trước vô danh); lấy cắp, thông đồng để lấy cắp, mua, bán thông tin tài khoản thanh toán, thông tin Thẻ ngân hàng, thông tin ví điện tử;

e. Sử dụng Thẻ để thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng tài khoản thanh toán, phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác;

Không tuân thủ đầy đủ các quy định tại Bản Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng Thẻ của BIDV; các quy định về thanh toán không dùng tiền mặt theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP (ngày 15/05/2024) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); các quy định pháp luật khác có liên quan.

ĐIỀU 6: GHI NỢ, GHI CÓ VÀO TÀI KHOẢN THẺ VÀ NGUYÊN TẮC TÍNH LÃI, PHÍ

6.1 BIDV được quyền ghi nợ vào Tài khoản Thẻ các khoản sau đây:

a. Tất cả giá trị giao dịch phát sinh từ việc sử dụng Thẻ hoặc thông tin Thẻ.

b. Các khoản lãi, phí:

b1. Lãi vay: Được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của Chủ Thẻ. Nguyên tắc tính lãi được cụ thể tại khoản 7.7 dưới đây;

b2. Các loại phí bao gồm Phí phát hành Thẻ; Phí thường niên; Phí giao dịch; Phí quản lý sử dụng Thẻ; Phí chuyển đổi ngoại tệ; Phí xử lý giao dịch nước ngoài, Phí ứng tiền mặt tại ATM/POS, Phí phạt khoản nợ quá hạn (Phí phạt chậm thanh toán) và các loại phí khác theo quy định tại Biểu phí dịch vụ BIDV được niêm yết tại website bidv.com.vn

6.2 Chủ Thẻ chịu trách nhiệm đối với mọi Giao dịch Thẻ thực hiện thành công và được Ghi nợ vào Tài khoản Thẻ kể cả các giao dịch không thực hiện cấp phép thông qua hệ thống BIDV như giao dịch thanh toán trực tuyến, giao dịch Thẻ có/không nhập PIN, giao dịch không xuất trình Thẻ và các giao dịch khác mà không phụ thuộc vào Hạn mức giao dịch, số tiền và số lần giao dịch được BIDV quy định tại từng thời kỳ.

6.3 Trường hợp giao dịch không thành công do Số dư khả dụng trên Tài khoản thẻ không đủ hoặc hết hạn mức giao dịch theo quy định của BIDV, hoặc do lỗi, nguyên nhân xuất phát từ Chủ thẻ, BIDV có quyền thu phí xử lý giao dịch không thành công theo biểu phí do BIDV quy định trong từng thời kỳ. Khách hàng đồng ý để BIDV tự động trích nợ các khoản phí nêu trên từ bất kỳ Tài khoản nào của Chủ thẻ tại BIDV mà không cần thông báo trước cho Khách hàng.

6.4 BIDV có quyền thực hiện việc ghi Có và hoặc ghi Nợ trên Tài khoản Thẻ trong các trường hợp sau:

a. Để yêu cầu Chủ Thẻ hoàn trả số tiền liên quan đến việc thực hiện Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng này.
b. Vì bất cứ lý do gì nhằm điều chỉnh/khắc phục sai sót/xử lý lỗi hệ thống (nếu có) mà không cần thông báo trước cho Chủ Thẻ.
c. Để xử lý các giao dịch được gửi tự động vào Tài khoản Thẻ từ hệ thống của các Tổ chức Thẻ, bất kể sự đồng ý của Chủ Thẻ liên quan đến giao dịch đó.
6.5 BIDV có quyền phong tỏa số tiền trên Tài khoản Thẻ hoặc tạm hoãn ghi Có tiền vào Tài khoản Thẻ khi có dấu hiệu không bình thường hoặc nghi ngờ giao dịch ghi Có bị sai sót, không hợp lệ... theo nhận định của BIDV, nhằm đảm bảo an toàn cho Tài khoản Thẻ của Chủ Thẻ.
6.6 Nguyên tắc tính phí:
a. Các loại phí/mức phí liên quan đến giao dịch Thẻ (VD: phí xử lý giao dịch nước ngoài, phí chuyển đổi ngoại tệ...) được tính/áp dụng vào Ngày hạch toán giao dịch Thẻ.
b. Phí phạt khoản nợ quá hạn (phí phạt chậm thanh toán): là khoản phí mà BIDV thu trong trường hợp đến ngày đến hạn thanh toán, Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn Số tiền thanh toán tối thiểu. Khoản phí này sẽ được ghi nhận và thể hiện trên sao kê thẻ của Chủ thẻ. Phí phạt khoản nợ quá hạn (phí phạt chậm thanh toán) cùng các loại phí quy định tại điểm a nêu trên được tính /áp dụng tại thời điểm BIDV thực hiện ghi Nợ/ ghi Có Tài khoản thẻ theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ.
c. Phí xử lý giao dịch không thành công do lỗi của Chủ Thẻ (nếu có): Là khoản phí BIDV thu trong trường hợp giao dịch thẻ không thành công do lỗi, nguyên nhân xuất phát từ Chủ thẻ. Khoản phí này được thu định kỳ hàng tháng, từ Tài khoản thẻ hoặc bất kỳ Tài khoản thanh toán hợp pháp khác của Chủ thẻ mở tại BIDV, theo biểu phí do BIDV quy định trong từng thời kỳ.
6.7 Nguyên tắc tính lãi: lãi được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của Chủ Thẻ và theo từng loại giao dịch, cụ thể:
a. Đối với Giao dịch ứng tiền mặt: lãi được tính theo số tiền giao dịch gốc và phí giao dịch (nếu có) kể từ ngày giao dịch đến ngày Chủ Thẻ thanh toán toàn bộ giá trị giao dịch.
b. Đối với Giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ:

b1. Nếu Chủ Thẻ thanh toán toàn bộ dư nợ cuối kỳ sao kê trước hoặc vào ngày đến hạn thanh toán thì giao dịch trong kỳ sao kê được miễn lãi.

b2. Nếu Chủ Thẻ không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ sau ngày đến hạn thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần dư nợ cuối kỳ sao kê thì lãi được tính từ ngày giao dịch đến ngày Chủ Thẻ thanh toán nợ theo nguyên tắc số dư giảm dần.

6.8 Mức lãi suất, phí được quy định chi tiết tại Biểu phí dịch vụ do BIDV thông báo theo từng thời kỳ. Biểu phí dịch vụ là một phần không tách rời của Bản điều khoản và điều kiện này. BIDV có quyền chủ động thay đổi cách thức tính phí, lãi, điều chỉnh Biểu phí dịch vụ trong quá trình sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ và sẽ thông báo cho Chủ Thẻ tối thiểu 07 ngày trước ngày áp dụng theo các hình thức được quy định tại Điều 15 Bản các điều khoản và điều kiện này, và thời điểm có hiệu lực của những thay đổi này được đề cập trong bản thông báo gửi Chủ Thẻ.

ĐIỀU 7: SAO KÊ

7.1 Sao kê sẽ được lập vào được lập vào ngày sao kê và gửi cho Chủ thẻ chính và (các) chủ thẻ phụ nếu có phát sinh giao dịch và/hoặc thẻ còn dư nợ trong kỳ sao kê theo quy định của BIDV đối với từng sản phẩm Thẻ.
7.2 Hàng tháng, Chủ Thẻ sẽ nhận được Sao kê liệt kê chi tiết các giao dịch Thẻ, phí, lãi phát sinh trong kỳ sao kê, các giao dịch điều chỉnh (nếu có), số tiền đã thanh toán, số dư đầu kỳ sao kê, số dư

cuối kỳ sao kê, số tiền thanh toán tối thiểu, ngày đến hạn thanh toán, lãi suất áp dụng trong kỳ và các thông tin khác.

7.3 BIDV tự động gửi sao kê cho Khách hàng và (các) Chủ Thẻ phụ qua thư điện tử đã đăng ký với BIDV và/hoặc các kênh khác theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Ngoài ra, Chủ Thẻ có thể chủ động tra cứu sao kê Thẻ trên các ứng dụng ngân hàng điện tử của BIDV.

7.4 Chủ Thẻ được xem như đã nhận được Sao kê từ BIDV trừ khi Chủ Thẻ thông báo cho BIDV về việc không nhận được Sao kê trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ Ngày sao kê.

7.5 Chủ Thẻ có trách nhiệm kiểm tra tất cả các giao dịch được liệt kê trên Sao kê. Sao kê được xem như chính xác trừ khi Chủ Thẻ thông báo bằng văn bản tới BIDV về bất kỳ sai sót nào trong vòng 10 (mười) ngày kể từ Ngày sao kê.

7.6 Trong bất cứ trường hợp nào, bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp Chủ Thẻ không nhận được sao kê hoặc chậm nhận được sao kê, Chủ Thẻ vẫn có nghĩa vụ phải thanh toán Số dư cuối kỳ sao kê vào Ngày đến hạn thanh toán.

ĐIỀU 8: THANH TOÁN CHO TÀI KHOẢN THẺ TÍN DỤNG

8.1 Chủ Thẻ phải thực hiện thanh toán Số tiền thanh toán tối thiểu trước giờ Cut-off của hệ thống vào Ngày đến hạn thanh toán được thông báo trên Sao kê. Giờ Cut-off của hệ thống có thể được BIDV thay đổi trong từng thời kỳ và được thông báo tại sao kê của Chủ Thẻ.

8.2 Loại tiền thanh toán ghi nhận trên Tài khoản Thẻ là đồng Việt Nam.

8.3 Cách thức thanh toán dư nợ: Chủ Thẻ có thể thanh toán Số dư nợ bằng tiền mặt, chuyển khoản, lệnh chuyển tiền từ Ngân hàng khác, ủy quyền cho BIDV tự động ghi nợ tài khoản Chủ Thẻ mở tại BIDV hoặc các phương thức khác theo thông báo của BIDV theo từng thời kỳ và được cập nhật trên Sao kê của Chủ Thẻ.

a. Trường hợp Chủ Thẻ đăng ký thanh toán dư nợ tự động từ tài khoản: Chủ Thẻ đăng ký trích nợ tự động từ tài khoản của Chủ Thẻ tại BIDV hàng tháng để thanh toán Số tiền thanh toán tối thiểu, tỷ lệ phần trăm dư nợ cuối kỳ hoặc Số dư cuối kỳ sao kê. Tài khoản sử dụng để ủy quyền BIDV trích nợ tự động là tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam thuộc sở hữu của Chủ Thẻ chính hoặc bên thứ ba nếu được bên thứ ba ủy quyền ghi nợ tự động theo quy định của pháp luật về ủy quyền. Chủ Thẻ cần đảm bảo số dư trong tài khoản đủ theo tỷ lệ/số tiền đăng ký trích nợ tự động trước thời gian quy định của BIDV tại ngày đến hạn thanh toán để BIDV thực hiện trích nợ tự động thành công. Sau thời gian quy định này, nếu không được BIDV trích nợ thành công, Chủ Thẻ chủ động thanh toán bằng các kênh thanh toán khác (nếu có nhu cầu). Thời gian quy định trích nợ được BIDV cập nhật tại sao kê hàng tháng của Chủ Thẻ.

b. Trường hợp thanh toán tại Chi nhánh và PGD của BIDV: Chủ Thẻ thanh toán bằng tiền mặt hoặc ủy nhiệm chi tại các Chi nhánh, PGD của BIDV vào các ngày làm việc trong tuần. Chủ Thẻ cần thanh toán trước giờ Cut-off của hệ thống để giao dịch thanh toán được ghi nhận trong ngày.

c. Trường hợp thanh toán chủ động từ tài khoản tại BIDV: Chủ Thẻ thanh toán thông qua BIDV Smart Banking (phiên bản web hoặc app). Trường hợp người khác thanh toán dư nợ cho Chủ Thẻ, Chủ Thẻ cung cấp thông tin tên Chủ Thẻ và số tài khoản Thẻ trên Sao kê. Chủ Thẻ cần thanh toán trước giờ Cut-off của hệ thống để giao dịch thanh toán được ghi nhận trong ngày.

d. Trường hợp thanh toán chuyển khoản liên ngân hàng: Chủ Thẻ cung cấp thông tin Chủ Thẻ chính, số Thẻ và chi nhánh phát hành Thẻ khi chuyển tiền từ ngân hàng khác. Việc chuyển khoản nên thực hiện trước ngày đến hạn thanh toán ít nhất 01 ngày làm việc. Khi thanh toán bằng chuyển khoản, lệnh chuyển tiền từ Ngân hàng khác, việc thanh toán chỉ được tính khi BIDV nhận được báo Có với số tiền thực báo Có. Số tiền thanh toán nhận được sau giờ Cut-off của hệ thống đối với tất cả các phương thức thanh toán (trừ phương thức Uỷ quyền cho BIDV ghi nợ tài khoản) sẽ được tính vào ngày tiếp theo.

8.4 BIDV quyết định việc áp dụng độc lập hoặc kết hợp các biện pháp tạm khoá/ tự động trích/ thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Chủ Thẻ mở tại các Chi nhánh trên toàn hệ thống của

BIDV hoặc bất kỳ tài khoản tiền gửi nào của Chủ Thẻ tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào hoặc tài sản thuộc sở hữu/đồng sở hữu của Chủ Thẻ mà không cần bất cứ thủ tục nào khác ngay khi BIDV cho là cần thiết để thực hiện thu nợ gốc, lãi, phí. Sau khi thực hiện, BIDV có thông báo tới Chủ Thẻ theo các phương thức được quy định tại Điều 15 Bản các điều khoản và điều kiện này.

8.5 BIDV không chịu trách nhiệm về các phí và lãi phát sinh trên Tài khoản Thẻ (nếu có) do việc Tài khoản đăng ký trích nợ tự động không đủ số dư để thanh toán tại thời điểm BIDV xử lý thu nợ tự động.

8.6 Tất cả các khoản tiền chuyển tới Thẻ tín dụng hoặc ghi Có vào Tài khoản Thẻ sẽ được BIDV sử dụng để giảm Số dư nợ hiện thời trong Tài khoản Thẻ (nếu có).

8.7 Nguyên tắc thanh toán Số dư sao kê sẽ theo thứ tự ưu tiên dưới đây và theo thời gian ghi nhận các giao dịch, phí, lãi vào Tài khoản Thẻ.

a. Các khoản phí, lãi.

b. Số tiền gốc của (các) giao dịch ứng tiền mặt; số tiền gốc của (các) giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ;

c. Trường hợp các giao dịch cùng tính chất, cùng kỳ sao kê thì thứ tự ưu tiên về trình tự thời gian là từ trước đến sau theo thời gian cập nhật giao dịch gốc vào hệ thống của BIDV (ưu tiên thanh toán các giao dịch được thực hiện trước);

Tùy từng trường hợp, BIDV được quyền chủ động thay đổi thứ tự ưu tiên thanh toán nêu trên.

8.8 Trường hợp Chủ Thẻ không thể tiếp tục sử dụng Thẻ vì lý do Thẻ hết hiệu lực và/hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, Chủ Thẻ vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định trong Bản các điều khoản và điều kiện này, các văn bản chỉnh sửa, bổ sung Bản các điều khoản và điều kiện, Sao kê và các cam kết, tài liệu khác kèm theo (nếu có).

ĐIỀU 9: TRA SOÁT KHIẾU NẠI

9.1 Chủ Thẻ có quyền khiếu nại, yêu cầu tra soát Giao dịch Thẻ theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện này trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ Ngày giao dịch. Chủ Thẻ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan tới giao dịch tra soát khiếu nại trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi có yêu cầu của BIDV hoặc theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Trường hợp Chủ thẻ không cung cấp đầy đủ chứng từ, tài liệu theo yêu cầu và đúng thời hạn nêu trên, BIDV được miễn trách nhiệm đối với mọi khiếu nại liên quan đến giao dịch và có quyền từ chối thực hiện hoặc tiếp tục xử lý yêu cầu tra soát.

9.2 Chủ Thẻ có quyền thực hiện tra soát, khiếu nại giao dịch Thẻ và tra cứu thông tin, tiến độ, kết quả xử lý tra soát, khiếu nại tại các Chi nhánh của BIDV, qua Tổng đài chăm sóc khách hàng hoặc trên các ứng dụng trực tuyến theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ.

9.3 Trường hợp Giao dịch khiếu nại đang trong quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ Thẻ có thể tạm thời không thanh toán các giao dịch đang khiếu nại với các giao dịch khiếu nại hợp lệ. Trong trường hợp giao dịch khiếu nại không hợp lệ (khiếu nại không đúng hoặc khách hàng không cung cấp được chứng từ liên quan theo yêu cầu của BIDV hoặc quá thời hạn khiếu nại theo quy định), Chủ Thẻ phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch khiếu nại và các khoản lãi, phí phát sinh (nếu có). Đối với các giao dịch khiếu nại đã lên sao kê trước khi có kết quả khiếu nại, Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ theo quy định tại Điều 9 bản Điều khoản điều kiện này.

9.4 Tỷ giá của các Tổ chức Thẻ quy định vào thời điểm hạch toán giao dịch đảo/hoàn trả có thể khác tỷ giá tại thời điểm hạch toán giao dịch gốc. BIDV thu phí chuyển đổi ngoại tệ, phí xử lý

giao dịch tại nước ngoài và không chịu trách nhiệm đối với các khoản chênh lệch phát sinh (nếu có) do thực hiện đảo/hoàn trả giao dịch gốc.

9.5 Chủ Thẻ cần chủ động giải quyết với ĐVCNT về giao dịch cần tra soát, khiếu nại trước khi gửi khiếu nại đến BIDV, chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề có liên quan trực tiếp giữa Chủ Thẻ và ĐVCNT và cung cấp đến BIDV các chứng từ liên quan tới kết quả làm việc với ĐVCNT.

9.6 Đối với các giao dịch thanh toán theo định kỳ (tháng, quý, năm…), Chủ Thẻ phải thông báo cho ĐVCNT khi ngừng sử dụng dịch vụ và lưu lại bằng chứng. BIDV có quyền từ chối tiếp nhận khiếu nại liên quan nếu Chủ Thẻ không cung cấp được bằng chứng Chủ Thẻ không lựa chọn tự động gia hạn dịch vụ hoặc đã thông báo tới ĐVCNT về việc ngừng gia hạn/sử dụng dịch vụ.

9.7 Chủ Thẻ có trách nhiệm hợp tác với BIDV trong việc cung cấp các thông tin liên quan đến quá trình sử dụng Thẻ và các thông tin khác theo yêu cầu của BIDV. Chủ Thẻ phải cung cấp được các bằng chứng có giá trị pháp lý để chứng minh giao dịch không do mình thực hiện để hỗ trợ BIDV điều tra vụ việc.

9.8 Chủ Thẻ phải chịu mọi tổn thất về tài chính đối với các Giao dịch Thẻ Chip mà Chủ Thẻ cho rằng mình bị gian lận, giả mạo hay Chủ Thẻ làm mất/thất lạc Thẻ.

9.9 Chủ Thẻ phải thực hiện xuất trình Thẻ khi có yêu cầu của BIDV trong trường hợp Chủ Thẻ khiếu nại, yêu cầu tra soát giao dịch.

9.10 Trường hợp Chủ Thẻ khiếu nại qua Tổng đài,

- Đối với những yêu cầu tra soát, khiếu nại phức tạp, có tính chất rủi ro theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ (Tư vấn viên trực tổng đài sẽ thông báo với Chủ Thẻ), Chủ Thẻ có trách nhiệm bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo mẫu quy định của BIDV và scan, gửi qua địa chỉ email bidv247@bidv.com.vn trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có yêu cầu của Chủ Thẻ lên Tổng đài về việc tra soát, khiếu nại; đồng thời lưu bản gốc Giấy đề nghị tra soát, khiếu nại và cung cấp bản gốc cho BIDV trong trường hợp BIDV yêu cầu.
- Nếu BIDV thông báo với Chủ Thẻ cần hoàn thiện giấy đề nghị tra soát (ngay khi tiếp nhận khiếu nại qua Tổng đài), Chủ Thẻ có trách nhiệm bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo mẫu trong thời gian quy định của BIDV. Trường hợp Chủ Thẻ không hoàn thiện giấy đề nghị tra soát đúng hạn theo yêu cầu, BIDV được miễn trách nhiệm nếu phát sinh khiếu nại liên quan đến giao dịch và có quyền từ chối xử lý tra soát.
- Trường hợp yêu cầu tra soát, khiếu nại không phức tạp, không có tính chất rủi ro (Tư vấn viên trực Tổng đài không đề nghị Chủ Thẻ bổ sung giấy đề nghị tra soát khiếu nại), BIDV sẽ sử dụng file ghi âm làm căn cứ chính thức để xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại của KH theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ.

9.11 Trường hợp Chủ Thẻ không thống nhất với phản hồi của BIDV về kết quả khiếu nại và Chủ Thẻ yêu cầu thực hiện khiếu nại tiếp theo, Chủ Thẻ cần bổ sung bằng chứng chứng minh kết quả xử lý của BIDV là chưa phù hợp.

9.12 BIDV có trách nhiệm thông báo tới Chủ Thẻ thời hạn xử lý khiếu nại khi tiếp nhận giao dịch và tối đa không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị lần đầu của Chủ Thẻ. Đối với các khiếu nại liên quan đến phủ nhận giao dịch thực hiện từ Thẻ, số lượng giao dịch tra soát áp dụng theo quy định của Tổ chức Thẻ từng thời kì.

9.13 BIDV có quyền sử dụng bất kỳ tài liệu, chứng từ, dữ liệu nào liên quan đến việc cung cấp dịch vụ Thẻ và/hoặc Giao dịch Thẻ, bao gồm cả các số liệu được ghi chép, xác nhận và lưu giữ bởi hệ thống của BIDV như là bằng chứng rằng Giao dịch do chính Chủ Thẻ thực hiện/ủy quyền thực hiện và có giá trị pháp lý.

9.14 BIDV có quyền từ chối tra soát khiếu nại của Chủ Thẻ trong các trường hợp sau:

- Chủ Thẻ khiếu nại giao dịch không đúng hoặc quá thời hạn quy định.
- Chủ Thẻ không cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan đến giao dịch khiếu nại theo yêu cầu của BIDV trong thời hạn quy định.
- Khiếu nại liên quan đến giao dịch thanh toán theo định kỳ, liên quan đến việc giao hàng, chất lượng hàng hóa, dịch vụ.
- Giao dịch Thẻ có giá trị nhỏ hơn 25USD hoặc các giá trị quy đổi tương đương khác ra VND tại các ĐVCNT thuộc loại hình du lịch và giải trí theo quy định của các Tổ chức thẻ quốc tế (ví dụ: hàng không, dịch vụ thuê xe, đi tàu biển, đi tàu hỏa, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, đại lý du lịch, mua xăng tự động,…) và các Giao dịch Thẻ có giá trị nhỏ hơn 5USD hoặc giá trị quy đổi VND tương đương tại các loại hình ĐVCNT khác.

9.15 BIDV không chịu bất kỳ trách nhiệm nào với Chủ Thẻ về những Giao dịch Thẻ đã thực hiện, thiệt hại hay mất mát trong trường hợp:

- ĐVCNT từ chối chấp nhận Thẻ mà nguyên nhân không là lỗi của BIDV;
- Trục trặc, thiếu sót, hỏng hóc của hệ thống máy giao dịch tự động các ngân hàng khác và các máy móc thuộc hệ thống chấp nhận thanh toán Thẻ;
- Thiên tai hay bất kỳ sự cố hệ thống xử lý, truyền tin hoặc bất kỳ sự việc nào ngoài sự kiểm soát của BIDV, hay do hậu quả của sự gian lận, giả mạo;
- Lỗi của Chủ Thẻ trong quá trình sử dụng Thẻ và/hoặc do Chủ Thẻ vi phạm thỏa thuận của bản Điều khoản, điều kiện chung này vì bất cứ lý do gì.
- Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

9.16 Đối với các giao dịch thẻ phát sinh tại các Đơn vị chấp nhận thẻ thuộc lĩnh vực quảng cáo (bao gồm nhưng không giới hạn tại các nền tảng như Facebook, Google, TikTok và các nền tảng quảng cáo tương tự), Chủ thẻ xác nhận và đồng ý rằng đây là nhóm giao dịch có mức độ rủi ro cao hơn so với giao dịch thông thường. Theo đó, các giao dịch thẻ phát sinh tại các ĐVCNT thuộc lĩnh vực quảng cáo có thể không thành công, không nhận được dịch vụ, hoặc phát sinh giao dịch gian lận, sao chép, giả mạo thông tin thẻ, và Chủ thẻ cam kết không khiếu nại, yêu cầu tra soát hoặc hoàn trả (chargeback) đối với các giao dịch này trong thời gian sử dụng thẻ. Chủ thẻ cam kết chịu trách nhiệm toàn bộ và vô điều kiện đối với mọi khoản thanh toán, thiệt hại, tổn thất tài chính và các rủi ro phát sinh (nếu có) liên quan đến các giao dịch tại ĐVCNT thuộc lĩnh vực quảng cáo, bao gồm nhưng không giới hạn trong các trường hợp sau: (i) Thẻ bị mất, thất lạc, gian lận, giả mạo, sao chép dữ liệu hoặc bị truy cập trái phép; (ii) Tên truy cập, mật khẩu tĩnh, mã OTP, thiết bị bảo mật, chữ ký số, điện thoại di động hoặc email nhận mật khẩu tĩnh/ OTP/mã kích hoạt ứng dụng bảo mật của Chủ thẻ bị lộ, mất, hoặc bị sử dụng bởi bất kỳ bên thứ ba nào; (iii) Giao dịch được thực hiện bởi Chủ thẻ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, có hoặc không có sự ủy quyền của Chủ thẻ; (iv) Chủ thẻ cho rằng giao dịch bị giả mạo hoặc không do mình thực hiện. Chủ thẻ cam kết bồi hoàn đầy đủ cho BIDV tại bất kỳ thời điểm nào đối với mọi khiếu kiện, khiếu nại, mất mát, tổn thất, chi phí, phí tổn (bao gồm cả chi phí pháp lý) mà BIDV phải gánh chịu, dù phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp, có liên quan đến việc BIDV chấp nhận, xử lý hoặc quyết toán các giao dịch thanh toán bằng thẻ của Chủ thẻ tại các ĐVCNT thuộc lĩnh vực quảng cáo.

ĐIỀU 10: QUẢN LÝ SAU KHI CẤP HMTD THẺ

1. Khách hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả; lưu trữ, báo cáo và cung cấp các chứng từ chứng minh việc sử dụng thẻ TDDN, các chứng từ, tài liệu làm căn cứ để phát hành Cam kết bảo lãnh và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các chứng từ này.

2. Tại bất cứ thời điểm nào mà BIDV đánh giá là cần thiết, theo yêu cầu của BIDV, Khách hàng phải:

a) Cung cấp cho BIDV các thông tin, tài liệu liên quan đến khoản cấp tín dụng, tình hình hoạt động của tổ chức và bảo đảm tính trung thực, chính xác của các thông tin, tài liệu này; BIDV được quyền kiểm tra trước, trong và sau khi cấp tín dụng và trong quá trình thu nợ, thu lãi đến khi Khách hàng trả hết nợ thẻ.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho BIDVkiểm tra, giám sát quá trình cấp tín dụng, sử dụng thẻ TDDN, tài sản hình thành từ khoản cấp tín dụng (nếu có).

c) Trường hợp Khách hàng không chứng minh được mục đích sử dụng thẻ TDDN, BIDV có quyền từ chối cung cấp dịch vụ thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản cấp tín dụng chưa thanh toán, chuyển toàn bộ khoản nợ của khách hàng sang nợ quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm/biện pháp bảo đảm của Khách hàng/Bên bảo đảm.

3. Ngân hàng có quyền yêu cầu Khách hàng cung cấp toàn bộ các báo cáo về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh và thông tin cần thiết liên quan đến việc phát hành và sử dụng thẻ TDDN.

4. Trong trường hợp không trả được nợ, Khách hàng phải thực hiện các nghĩa vụ theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo đảm liên quan đến Hợp đồng tín dụng hạn mức, Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ TDDN. Khách hàng có nghĩa vụ sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để trả nợ cho Ngân hàng, không phụ thuộc vào việc BIDV đã, đang hay chưa xử lý biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm.

5. Trong trường hợp Khách hàng vi phạm các điều khoản tại Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ TDDN và Bộ điều khoản, điều kiện này, Khách hàng phải thanh toán toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi trả cho việc thực hiện các biện pháp thu hồi nợ.

6. Trong thời gian Khách hàng chưa trả hết nợ gốc và lãi vay, Khách hàng chỉ được nhượng bán tài sản đầu tư bằng vốn vay sau khi có chấp thuận bằng văn bản của BIDV (trừ trường hợp tài sản là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh) và với điều kiện toàn bộ tiền thu được phải chuyển hết vào tài khoản tiền gửi mở tại BIDV để hoàn trả nợ gốc và lãi vay (nội dung này phải được quy định rõ trong hợp đồng mua bán tài sản). Nếu không đủ, Khách hàng phải dùng các nguồn khác để trả nợ gốc và lãi vay BIDV.

7. Chấp thuận và đồng ý cho BIDV được quyền chủ động liên hệ thông qua các phương thức gọi điện, nhắn tin... hoặc các phương thức khác với các mục đích mà ngân hàng cho là không trái với quy định pháp luật, bao gồm (nhưng không giới hạn) các nội dung về: khảo sát sự hài lòng, chăm sóc khách hàng, giới thiệu, tư vấn về các chương trình/sản phẩm dịch vụ mới của ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp tới khách hàng.

8. Ngân hàng có quyền bù trừ các nghĩa vụ của Khách hàng đối với BIDV theo quy định tại Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ TDDN và/hoặc các văn kiện tín dụng, văn kiện bảo đảm được xác lập với BIDV thông qua phương thức: (i) quyết định việc áp dụng độc lập hoặc kết hợp các biện pháp phong tỏa/tự động trích/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng mở tại các Chi nhánh trong hệ thống BIDV; và/hoặc (ii) chủ động đối trừ bất kỳ nghĩa vụ nào khác của Khách hàng tại BIDV. BIDVkhông phải thông báo cho Khách hàng, bên thứ ba trước khi thực hiện bù trừ các nghĩa vụ được Ngân hàng xác định là nghĩa vụ nợ phải trả của Khách hàng.

9. BIDVcó quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản cấp tín dụng chưa thanh toán, chuyển toàn bộ khoản nợ của khách hàng sang nợ quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm/biện pháp bảo đảm của Khách hàng/Bên bảo đảm khi xảy ra một trong các sự kiện vi phạm theo quy định tại Bản Điều khoản, điều kiện này.

ĐIỀU 11: NỢ QUÁ HẠN

10.1 Sau ngày đến hạn thanh toán, nếu Chủ Thẻ không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu thì khoản nợ Thẻ tín dụng được xác định là khoản nợ quá hạn. Nếu quá hạn đến 75 ngày, BIDV sẽ chuyển toàn bộ Số dư cuối kỳ sao kê của Chủ Thẻ sang nợ quá hạn.
10.2 Các khoản tiền thuộc Giao dịch Thẻ chưa được ghi nợ vào Tài khoản Thẻ tại thời điểm chuyển nợ quá hạn cũng sẽ được chuyển nợ quá hạn khi các khoản tiền này được ghi nợ vào Tài khoản Thẻ.
10.3 Sau khi chuyển nợ quá hạn, BIDV có quyền tạm ngừng hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ và thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật và quy định của BIDV để thu hồi nợ (bao gồm số dư nợ gốc, lãi, phí và các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình thu hồi nợ) từ thu nhập, tài khoản của Chủ Thẻ mở tại các Chi nhánh trên toàn hệ thống của BIDV hoặc bất kỳ tài khoản tiền gửi nào của Chủ Thẻ tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào hoặc tài sản thuộc sở hữu/đồng sở hữu của Chủ Thẻ mà không cần có sự chấp thuận của Chủ Thẻ.
10.4 Chủ Thẻ chấp thuận việc BIDV thực hiện liên hệ, gửi thông tin về việc thu hồi nợ quá hạn của Chủ Thẻ tới các tổ chức, cá nhân mà BIDV nhận định có liên quan đến Chủ Thẻ (như cơ quan công tác, người thân…) để hỗ trợ việc thu nợ quá hạn của Chủ Thẻ.
10.5 BIDV có quyền chuyển nhượng: (i) quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này cho chủ thể khác (bán nợ) theo quy định về mua bán nợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; và thông báo cho Khách hàng.

ĐIỀU 12: KHÓA THẺ, TẠM DỪNG GIAO DỊCH THẺ, TỪ CHỐI THANH TOÁN, CHẤM DỨT SỬ DỤNG THẺ VÀ THU HỒI THẺ

12.1. Thẻ bị khóa thẻ khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Theo đề nghị của Chủ Thẻ;
b. Tài khoản Thẻ bị vượt HMTD;
c. BIDV đánh giá khách hàng có nguy cơ suy giảm/không có khả năng trả nợ/nợ quá hạn/nợ xấu;
d. Thẻ có nguy cơ bị lộ thông tin dữ liệu Thẻ, Thẻ có nguy cơ bị gian lận giả mạo hoặc nghi ngờ giao dịch Thẻ trái quy định pháp luật;
e. Chủ Thẻ không kích hoạt sử dụng Thẻ sau tối đa 180 ngày kể từ ngày phát hành/phát hành lại Thẻ hoặc ngày gia hạn Thẻ (nếu có);
f. Theo thông báo, cảnh báo của cơ quan chức năng, TCTQT, TCCMT, các bên liên quan mà BIDV là thành viên hoặc có thỏa thuận hợp tác;
g. Chủ Thẻ vi phạm bất kỳ điều khoản nào tại Bản các điều khoản, điều kiện chung này hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với BIDV;
h. Chủ thẻ yêu cầu rút lại Sự Đồng Ý, yêu cầu hạn chế và/hoặc phản đối Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân của Chủ Thể Dữ Liệu;
i. BIDV đánh giá tỷ lệ giao dịch không thành công của chủ thẻ cao theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ
j. Theo quy định của pháp luật và BIDV từng thời kỳ.

12.2. Thẻ bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Khi có nghi ngờ về tính trung thực, mục đích giao dịch của Chủ Thẻ theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
b. Thẻ có nguy cơ bị gian lận, giả mạo;
c. Giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam của Chủ Thẻ hết hiệu lực hoặc hết thời hạn;
d. Khi Chủ thẻ chưa hoàn thành khai báo và đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học với dữ liệu Bộ Công an để có thể thực hiện các giao dịch Thẻ bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật/BIDV theo từng thời kỳ;
e. Theo quy định của pháp luật và BIDV từng thời kỳ.

12.3. Thẻ bị từ chối thanh toán Thẻ khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Thẻ hết hạn sử dụng;
b. Thẻ đã được chủ thẻ thông báo bị mất, bị khóa, chấm dứt sử dụng;
c. Chủ Thẻ sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán khống và các giao dịch Thẻ bị cấm theo quy định của pháp luật, các TCTQT, TCCMT, các bên liên quan mà BIDV là thành viên hoặc có thỏa thuận hợp tác;
d. HMTD Thẻ và/hoặc Hạn mức sử dụng không đủ chi trả khoản thanh toán hoặc trạng thái Thẻ/tài khoản Thẻ không hợp lệ
e. Chủ Thẻ có hành vi vi phạm Bản điều khoản, điều kiện chung này hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với BIDV.
f. Theo quy định của pháp luật và BIDV từng thời kỳ.

12.4. Thẻ bị chấm dứt sử dụng khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Theo đề nghị của Chủ Thẻ;
b. BIDV đánh giá Khách hàng có nguy cơ suy giảm/ không có khả năng trả nợ;
c. Việc duy trì HMTD, theo nhận định của BIDV, dẫn đến BIDV vi phạm các quy định của pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
d. Chủ Thẻ sử dụng không đúng mục đích và/hoặc vi phạm Hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện chung này hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với BIDV;
e. Chủ Thẻ cung cấp các thông tin sai sự thật; sử dụng tài liệu, thông tin, dữ liệu giả mạo, mạo danh để phát hành Thẻ hoặc sử dụng Thẻ cho mục đích lừa đảo, gian lận hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác;
f. Khi Chủ Thẻ được cơ quan chức năng tuyên bố đã chết/mất tích/tước quyền công dân, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không cư trú tại Việt Nam (trường hợp người nước ngoài), mất/hạn chế năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức,...; hoặc được Chủ thẻ chính thông báo cho BIDV về việc chấm dứt việc ủy quyền sử dụng Thẻ cho (các) Chủ Thẻ phụ và yêu cầu BIDV thực hiện chấm dứt Thẻ tương ứng;
g. Chủ Thẻ phát sinh nợ xấu tại BIDV và/hoặc các TCTD khác;
h. Chủ Thẻ không duy trì và/hoặc không bổ sung TSBĐ/biện pháp bảo đảm theo quy định;
i. Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào hoặc theo quy định của Tổ chức Thẻ quốc tế;
j. Chủ Thẻ không còn đáp ứng điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ theo chính sách của BIDV trong từng thời kỳ.
k. Chủ Thẻ gặp sự kiện Bất khả kháng kéo dài theo quy định tại Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện chung này;
l. Theo toàn quyền nhận định của mình, BIDV nghi ngờ Chủ Thẻ/Khách hàng, giao dịch của Chủ Thẻ liên quan đến tội phạm, rửa tiền, tài trợ khủng bố/phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; vi phạm pháp luật hoặc để thực hiện chính sách phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật và BIDV;
m. Chủ thẻ yêu cầu rút lại Sự Đồng Ý, yêu cầu hạn chế và/hoặc phản đối Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân của Chủ Thể Dữ Liệu;
n. BIDV đánh giá tỷ lệ giao dịch không thành công của chủ thẻ cao theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ;
o. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, Ngân hàng Nhà Nước và BIDV trong từng thời kỳ.

12.5. Thẻ có thể bị thu hồi khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Thẻ giả.
b. Thẻ sử dụng trái phép.
c. Phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật.
d. Khi chấm dứt HMTD/sử dụng Thẻ.
e. Theo quy định của pháp luật và BIDV từng thời kỳ.

12.6. Việc chấm dứt sử dụng Thẻ không giải trừ nghĩa vụ tài chính của Chủ Thẻ theo hợp đồng này. Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ gốc, lãi, phí (nếu có) tại thời điểm Thẻ bị chấm dứt sử dụng.

12.7. BIDV có quyền chấm dứt việc sử dụng Thẻ, thu hồi toàn bộ dư nợ gốc, lãi, phí phát sinh đến ngày hết hạn HMTD Thẻ và/hoặc chuyển toàn bộ khoản vay của Khách hàng sang nợ quá hạn, xử lý TSBĐ/biện pháp bảo đảm của Khách hàng/Bên bảo đảm.

12.8. BIDV có quyền kích hoạt sử dụng Thẻ khi BIDV đánh giá Thẻ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro gian lận giả mạo (áp dụng đối với trường hợp BIDV khóa Thẻ do nghi ngờ gian lận giả mạo).

12.9. Trong trường hợp không trả được nợ, Chủ Thẻ phải thực hiện các nghĩa vụ theo thoả thuận trong (các) hợp đồng bảo đảm liên quan đến Hợp đồng (nếu có). Nếu tiền thu được do xử lý TSBĐ không đủ để thanh toán dư nợ gốc, lãi, phí và các chi phí khác có liên quan thì Chủ Thẻ có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho BIDV.

ĐIỀU 13: CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CHỦ THẺ PHỤ

8.1 HMTD chỉ được BIDV cấp cho Chủ thẻ chính. (Các) Chủ Thẻ phụ chỉ được phép sử dụng trong phạm vi HMTD đã được BIDV cấp cho Chủ Thẻ chính, (các) Chủ Thẻ phụ không được cấp HMTD riêng.

8.2 Chủ Thẻ chính có trách nhiệm đối với tất cả các giao dịch được thực hiện bằng Thẻ/sử dụng thông tin Thẻ đã được cấp cho Chủ Thẻ hoặc (các) Chủ Thẻ phụ và các khoản lãi, phí liên quan đến Giao dịch Thẻ, kể cả trong trường hợp Chủ Thẻ chính và/hoặc (các) Chủ Thẻ phụ không ký xác nhận trên HĐGD.

8.3 Chủ Thẻ chính, (các) Chủ Thẻ phụ cùng liên đới chịu trách nhiệm trong việc thực hiện Hợp đồng. Việc mất khả năng thực hiện Hợp đồng của Chủ Thẻ chính vì bất kỳ lý do gì và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không làm giải trừ nghĩa vụ liên đới của (các) Chủ Thẻ phụ trong việc thực hiện Hợp đồng và ngược lại.

8.4 Tất cả các thông báo, văn bản liên quan sẽ được gửi cho Chủ Thẻ chính theo các hình thức được quy định trong Bản điều khoản và điều kiện chung này.

8.5 Giao dịch của Chủ Thẻ chính và (các) Chủ Thẻ phụ được thể hiện trên cùng một Sao kê và được gửi cho Chủ Thẻ chính theo các phương thức mà Chủ Thẻ chính đăng ký với BIDV.

8.6 Chủ Thẻ chính quyết định hạn mức giao dịch của (các) Chủ Thẻ phụ; được quyền đề nghị, thực hiện mọi hoạt động liên quan đến Chủ Thẻ chính, (các) Chủ Thẻ phụ; Thẻ chính, (các) Thẻ phụ mà không cần có xác nhận của (các) Chủ Thẻ phụ.

8.7 Chủ Thẻ phụ được yêu cầu khóa Thẻ, khóa giao dịch trực tuyến và các yêu cầu khác cho Thẻ mình được tổ chức ủy quyền/cho phép sử dụng theo quy định của BIDV từng thời kỳ và được BIDV thông báo trên website: www.bidv.com.vn.

8.8 Trong trường hợp cần thiết, (các) Chủ Thẻ phụ có quyền yêu cầu chấm dứt việc sử dụng Thẻ phụ và gửi trả Thẻ đã được cắt đôi cho BIDV. Tuy nhiên, Chủ Thẻ phụ hoàn toàn không có quyền yêu cầu chấm dứt việc sử dụng Thẻ chính cũng như bất kỳ yêu cầu khác liên quan đến hiệu lực của Hợp đồng.

ĐIỀU 14: THÔNG BÁO

10.1 Khách hàng/Chủ Thẻ phải thông báo bằng văn bản trước/kịp thời cho Ngân hàng về các thay đổi sau:

a. Những thay đổi ảnh hưởng hoặc đe doạ đến giá trị của tài sản thế chấp, tài sản đầu tư bằng vốn vay;

b. Những thay đổi về vốn, tài sản ảnh hưởng đến khả năng tài chính của Khách hàng và những thay đổi khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi vay cho Ngân hàng;

c. Đổi tên, thay địa chỉ trụ sở chính của Khách hàng;

d. Khách hàng có chủ trương/chuẩn bị thực hiện thay đổi hình thức sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, cổ phần hóa, chuyển quyền sở hữu, ngừng hoạt động, giải thể... hoặc những thay đổi có tính chất tương tự (riêng đối với trường hợp này, Khách hàng phải thông báo và được Ngân hàng chấp thuận);

e. Bất kỳ thay đổi nào về tình trạng pháp lý của Khách hàng, Bên bảo đảm, tài sản bảo đảm;

f. Có những tranh chấp trong nội bộ Khách hàng có liên quan đến khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng.

g. Thông báo ngay cho BIDV khi chấm dứt việc ủy quyền sử dụng thẻ cho cá nhân được ủy quyền sử dụng thẻ và yêu cầu BIDV thực hiện khóa thẻ tương ứng.

10.2 Chủ Thẻ cam kết địa chỉ nêu tại Hợp đồng là địa chỉ kinh doanh/địa chỉ hợp pháp của Chủ Thẻ tại thời điểm ký kết Hợp đồng. Đây là địa chỉ BIDV gửi tất cả các văn bản, tài liệu giao dịch trong quá trình thực hiện Bản điều khoản và điều kiện chung này và cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi thư mời, thông báo, tống đạt, niêm yết công khai nhằm yêu cầu Chủ Thẻ thực hiện nghĩa vụ của mình với BIDV. Chủ Thẻ phải thông báo cho BIDV trước 3 (ba) ngày làm việc tính từ ngày Chủ Thẻ thay đổi địa chỉ so với địa chỉ đã đăng ký với BIDV. BIDV sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hậu quả của việc Chủ Thẻ không gửi thông báo kịp thời về sự thay đổi trên.

10.3 BIDV thông báo phát hành thẻ, thông báo/lịch sử giao dịch, hạn mức còn lại của tài khoản thẻ và các thông tin cần thiết khác cho Khách hàng/Chủ Thẻ qua email khách hàng đã đăng ký với BIDV trong quá trình phát hành và sử dụng thẻ. Trường hợp, Chủ Thẻ có nhu cầu nhận các thông báo qua SMS thì Khách hàng/Chủ Thẻ sẽ phải trả phí theo Biểu phí dịch vụ BSMS BIDV theo quy định từng thời kỳ. Đối với các thông tin khác, BIDV thông báo thông qua ít nhất một trong các phương thức như: thông báo công khai tại các điểm giao dịch của BIDV, đăng tải trên website chính thức của BIDV, gửi thư điện tử (email), nhắn tin (sms), gọi điện thoại vào máy di động, máy cố định mà Chủ Thẻ đã đăng ký với BIDV. Trong đó, kênh thông báo giao dịch chính thức của BIDV về giao dịch Thẻ là thư điện tử (email). Chủ Thẻ được coi là chấp thuận với các nội dung thông báo nếu Chủ Thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ và không thực hiện chấm dứt sử dụng Thẻ trong vòng 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ BIDV. Chủ Thẻ phải thông báo cho BIDV trước 3 (ba) ngày làm việc tính từ ngày Chủ Thẻ thay đổi địa chỉ hộp thư điện tử, số điện thoại di động, số điện thoại cố định. BIDV sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hậu quả của việc Chủ Thẻ không gửi thông báo kịp thời về sự thay đổi trên.

10.4 Mọi văn bản, tài liệu giao dịch được coi là Chủ Thẻ đã nhận:

a. Trong vòng 03 (ba) ngày tính từ ngày gửi đi (theo dấu bưu điện đi), nếu gửi bằng thư; hoặc

b. Vào ngày gửi đi nếu gửi bằng fax; hoặc

c. Vào ngày BIDV gửi nếu gửi thông qua hình thức tin nhắn/thư điện tử (email) tự động, điện thoại trực tiếp; hoặc

d. Vào ngày công bố trên website chính thức của BIDV và/hoặc các website khác của BIDV; hoặc

e. Vào ngày BIDV thực hiện thông báo công khai theo hình thức khác.

10.5 Chủ Thẻ có trách nhiệm bảo mật những thông tin liên quan đến Thẻ được BIDV gửi cho Chủ Thẻ thông qua nhắn tin, gọi điện thoại, điện tín, điện báo, fax, thư điện tử (email), bưu điện hoặc gửi trực tiếp. Chủ Thẻ chịu trách nhiệm mọi thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho BIDV và/hoặc bên thứ ba (nếu có) do Chủ Thẻ để lộ những thông tin này.

10.6 Chủ Thẻ phải thông báo ngay cho BIDV khi có những thay đổi của Chủ Thẻ về nguồn thu nhập để trả nợ, các tranh chấp có khả năng ảnh hưởng tới việc trả nợ, địa chỉ liên lạc/cư trú/nơi làm việc/điện thoại di động/email, thông tin về tài khoản của Chủ Thẻ tại các tổ chức tín dụng khác và tại BIDV và chịu mọi thiệt hại nếu có thay đổi mà không thông báo cho BIDV.

ĐIỀU 15: SỰ KIỆN VI PHẠM

12.1 Khách hàng/Chủ Thẻ được coi là vi phạm Hợp đồng trong các trường hợp sau:

a. Khách hàng/Chủ Thẻ vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí phát sinh, bất kỳ khoản cấp tín dụng, các cam đoan và bảo đảm, các điều kiện tiên quyết trước khi giải ngân và các nghĩa vụ khác phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng bảo lãnh cụ thể cũng như các văn bản, thỏa thuận ký kết với Ngân hàng, vi phạm Quy chế cho vay, Quy chế bảo lãnh của Ngân hàng Nhà Nước, các quy định của pháp luật;

b. Khách hàng/Chủ Thẻ không thông báo cho Ngân hàng về các thay đổi theo quy định tại Điều 13;

c. Sự kiện biến động thị trường hoặc các yếu tố khác, theo nhận định của Ngân hàng, làm ảnh hưởng tiêu cực hoặc tác động bất lợi đến hiệu quả của phương án sử dụng vốn, tình hình tài chính, tình hình sản xuất, kinh doanh của Khách hàng;

d. Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm Hợp đồng bảo đảm, bất kỳ thỏa thuận, cam kết nào về bảo đảm nghĩa vụ với Ngân hàng;

e. Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ duy trì số dư tiền gửi, doanh số thanh toán qua tài khoản thanh toán của Khách hàng tại Ngân hàng trong trường hợp các bên có thỏa thuận;

f. Việc duy trì khoản vay, theo nhận định của Ngân hàng, dẫn đến Ngân hàng vi phạm các quy định pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

g. Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào;

h. Bên bảo đảm vi phạm pháp luật trong việc tạo lập, quản lý, sử dụng tài sản bảo đảm mà việc vi phạm này, theo đánh giá của Ngân hàng, sẽ ảnh hưởng xấu đến hoặc tạo ra sự cản trở đối với việc xử lý tài sản bảo đảm hoặc vi phạm này có thể dẫn đến Nhà nước tịch thu, thu hồi tài sản bảo đảm;

i. Những thay đổi khác về tài sản bảo đảm dẫn đến nguy cơ không xử lý, quản lý được tài sản bảo đảm theo nhận định của Ngân hàng;

j. Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của Ngân hàng là có ảnh hưởng tiêu cực hoặc tác động bất lợi đến tài sản, nguồn tiền của Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm;

k. Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm cung cấp thông tin sai sự thật trước hoặc sau khi được cấp tín dụng;

l. Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm (nếu có) là cá nhân chết mà không có người thừa kế được Ngân hàng chấp thuận hoặc là tổ chức bị giải thể, phá sản, chấm dứt, tạm ngừng hoạt động.

m. Khách hàng (bao gồm cả chủ sở hữu/người quản lý/người điều hành/người đại diện theo pháp luật của khách hàng) và/hoặc Bên bảo đảm xảy ra sự kiện: Bị mất năng lực hành vi dân sự/bị hạn chế năng lực hành vi dân sự/có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi (nếu là cá nhân) hoặc bị khởi tố/điều tra/truy tố/xét xử về hình sự/chịu trách nhiệm hình sự/bị áp dụng hình phạt về hình sự.

n. Khách hàng, Bên bảo đảm có một hoặc một số khoản cấp tín dụng chuyển sang nợ quá hạn và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ theo nhận định của Ngân hàng;

o. Các nguy cơ khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn Khách hàng bị phạt hoặc bị liên đới đến các trách nhiệm pháp lý mà có nguy cơ phải bồi thường tài chính hoặc nộp phạt trị giá từ năm phần trăm (5%) vốn chủ sở hữu trở lên.

p. Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh từ các Hợp đồng bảo đảm tiền vay bảo đảm cho khoản vay/cam kết bảo lãnh.

s. Một trong những chủ thể trong nhóm khách hàng liên quan của Khách hàng/Chủ Thẻ vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Người có liên quan theo thỏa thuận của các bên bao gồm:

s1. Doanh nghiệp là công ty mẹ và/hoặc công ty con của Khách hàng;

s2. Doanh nghiệp có cùng công ty mẹ với Khách hàng;

s3. Doanh nghiệp mà Khách hàng (a) sở hữu từ 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông/vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; và/hoặc (b) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó; và/hoặc (c) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.

s4. Tổ chức hoặc cá nhân (a) sở hữu từ 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông/vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Khách hàng; và/hoặc (b) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác, thành viên Ban kiểm soát của Khách hàng; và/hoặc (c) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Khách hàng.

t. Chủ Thẻ:

t1. Vi phạm Bản các điều khoản và điều kiện chung này;

t2. Vi phạm nghĩa vụ đối với bất kỳ khoản cấp tín dụng nào tại BIDV;

t3. Vi phạm nghĩa vụ đối với bất kỳ khoản cấp tín dụng nào (dù đến hạn thanh toán hoặc phải thanh toán trước hạn do sự kiện vi phạm nghĩa vụ của Khách hàng) tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào;

t4. Bị xếp nợ cần chú ý trở lên tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào theo kết quả tra cứu thông tin tín dụng của Khách hàng trên hệ thống CIC.

t5. Cá nhân được ủy quyền/cho phép sử dụng thẻ bị mất năng lực hành vi dân sự/bị hạn chế năng lực hành vi dân sự/có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị khởi tố/điều tra/truy tố/xét xử về hình sự/chịu trách nhiệm hình sự/bị áp dụng hình phạt về hình sự; và/hoặc Bên bảo đảm xảy ra sự kiện: Bị mất năng lực hành vi dân sự/bị hạn chế năng lực hành vi dân sự/có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị khởi tố/điều tra/truy tố/xét xử về hình sự/chịu trách nhiệm hình sự/bị áp dụng hình phạt về hình sự;

u) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và Hợp đồng bảo đảm.

12.2 Khi phát sinh bất kỳ một sự kiện vi phạm nào, BIDV được quyền yêu cầu Khách hàng/Chủ Thẻ thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục trong một thời gian hợp lý do BIDV quyết định. Trường hợp Khách hàng không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ, BIDV có quyền dừng giải ngân vốn vay/cấp tín dụng mới và thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn: tạm khóa và/hoặc ghi nợ bất kỳ tài khoản nào của Khách hàng để thu nợ trước hạn hoặc đến hạn; khởi kiện, phát mại tài sản của Khách hàng đang ký quỹ, cầm cố, thế chấp tại BIDV, đình chỉ cho vay và thu hồi nợ trước hạn.

ĐIỀU 16: THU THẬP, SỬ DỤNG VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Bằng việc mở, sử dụng Thẻ của BIDV, Chủ Thẻ đồng ý rằng BIDV sẽ thu thập, sử dụng và cung cấp Thông tin Khách hàng/Chủ Thẻ (sau đây gọi tắt là Thông tin khách hàng) theo quy định của các Điều khoản, Điều kiện chung này phù hợp với quy định của Pháp luật từng thời kỳ.

14.1 **Thu thập thông tin khách hàng**

a) Thông tin của khách hàng được BIDV thu thập từ nguồn khách hàng cung cấp, thông tin do BIDV tổng hợp từ quá trình sử dụng dịch vụ trên các kênh giao dịch với ngân hàng (bao gồm giao dịch thu thập nhận diện và xác thực sinh trắc học của khách hàng, tương tác trên môi trường số), các nguồn thông tin công khai, hợp pháp khác của khách hàng theo quy định của Pháp luật. Khách hàng đồng ý cung cấp thông tin trung thực, chính xác, kịp thời cho BIDV trong quá trình mở, sử dụng dịch vụ, xử lý khiếu nại, tranh chấp tại BIDV.

b) Khách hàng chịu trách nhiệm thông báo các thông tin thay đổi so với thông tin đã đăng ký (bao gồm tên khách hàng, giấy đăng ký kinh doanh, địa chỉ, trạng thái cư trú, số điện thoại di động, địa chỉ email, thông tin giấy tờ tùy thân …) ngay sau khi khách hàng có thay đổi thông tin. Trường hợp khách hàng không thông báo hoặc thông báo không kịp thời tới BIDV, khách hàng chịu mọi trách nhiệm trong việc vi phạm quy định của Pháp luật trong việc sử dụng các dịch vụ ngân hàng, BIDV được miễn trách khỏi các nghĩa vụ liên quan đối với các tranh chấp phát sinh.

c) KH chịu trách nhiệm thông báo ngay tới điểm giao dịch của BIDV khi có bất kỳ sự thay đổi liên quan đến số điện thoại di động, email đã đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử dành cho khách hàng của BIDV theo quy định hiện hành của BIDV (cho dù những thay đổi này phát sinh do việc thay đổi số điện thoại mới, hoặc việc ngừng sử dụng dịch vụ với nhà cung cấp, hoặc là do điện thoại di động của khách hàng bị mất, hoặc bất kỳ lý do nào khác) và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các rủi ro có thể xảy ra do khách hàng không thông báo kịp thời với BIDV về những thay đổi này.

d) Khách hàng cam kết tuân thủ các quy định của FATCA:

- Nếu khách hàng đã phát hành Thẻ tại BIDV và vào bất kỳ thời điểm nào trong tương lai khách hàng trở thành đối tượng chịu thuế thu nhập của Mỹ hoặc phát sinh yêu cầu thanh toán định kỳ đến một tài khoản ở Mỹ hoặc có thư ủy quyền cho cá nhân có địa chỉ ở Mỹ, khách hàng đồng ý tuân thủ đầy đủ các quy định về FATCA bằng cách cập nhật các thông tin đã thay đổi trong vòng 30 ngày theo quy định cho BIDV cùng các tài liệu liên quan (nếu có); đồng ý rằng BIDV được quyền thực hiện tất cả những gì được cho là cần thiết và phù hợp với quy định Pháp luật để tuân thủ những yêu cầu của FATCA.

- Trong trường hợp khách hàng phát sinh yêu cầu thanh toán định kỳ đến một tài khoản ở Mỹ hoặc có thư ủy quyền cho cá nhân có địa chỉ ở Mỹ, khách hàng có nghĩa vụ đến BIDV kê khai xác nhận tình trạng nước ngoài của cá nhân (biểu mẫu W-8BEN) hoặc xác nhân tình trạng nộp thuế Mỹ dành cho khách hàng tổ chức (biểu mẫuW-8BEN-E).

- Khách hàng cam kết cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của FATCA trong vòng 90 ngày kể từ ngày đề nghị mở tài khoản thanh toán (trường hợp chưa cung cấp đủ hồ sơ).

e) Trừ khi được quy định khác tại Bản điều khoản, điều kiện chung này hoặc các bên có thỏa thuận khác, mọi thông báo của khách hàng tới BIDV đều cần được thực hiện bằng hình thức văn bản giấy.

14.2 **Mục đích sử dụng thông tin khách hàng của BIDV**

a) Xác thực khách hàng khi phát hành và sử dụng Thẻ của BIDV.

b) Cung cấp dịch vụ đến khách hàng căn cứ thông tin khách hàng khai báo trên đề nghị đăng ký dịch vụ; và/hoặc thông tin khách hàng đã được BIDV thu thập từ các nguồn thông tin công khai, hợp pháp khác theo quy định của Pháp luật.

c) Phục vụ các yêu cầu trong hoạt động nội bộ của BIDV: các mục đích quản lý tín dụng và rủi ro; quy hoạch và phát triển hệ thống hoặc phát triển sản phẩm ngân hàng, sản phẩm bảo hiểm, kiểm toán, điều hành và mục đích khác theo quy định của Pháp luật.

d) Thực thi hoặc bảo vệ các quyền của BIDV.

e) Duy trì mối quan hệ tổng thể của BIDV với khách hàng (kể cả hoạt động chăm sóc khách hàng, tiếp thị, giới thiệu và tư vấn hoặc xúc tiến các dịch vụ tài chính và các sản phẩm có liên quan đến

khách hàng và nghiên cứu thị trường, bao gồm cả nghiên cứu thị trường do BIDV hoặc đối tác trong và ngoài nước của BIDV thực hiện).

f) Cải thiện trải nghiệm của khách hàng và đo lường hiệu quả của các hoạt động tiếp thị.

14.3 **Các trường hợp được BIDV cung cấp thông tin khách hàng**

a) Theo yêu cầu Chủ Thẻ hoặc Người đại diện hợp pháp của khách hàng. Khách hàng có nghĩa vụ tuân thủ quy định, yêu cầu và thanh toán các khoản phí của BIDV khi đề nghị BIDV cung cấp thông tin. Khi nhận được yêu cầu hợp lệ của Khách hàng, BIDV sẽ thực hiện cung cấp thông tin cho Khách hàng trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật

b) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

c) Theo yêu cầu bằng văn bản của đương sự theo quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự và Luật tố tụng hành chính.

d) Theo yêu cầu bằng văn bản của Người thừa kế của KH trong trường hợp Chủ Thẻ chết hoặc bị tuyên bố đã chết.

e) Theo yêu cầu bằng văn bản của Người được thi hành án theo quy định của Pháp luật về thi hành án.

f) Theo yêu cầu của Đơn vị kiểm toán độc lập của BIDV, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền khác.

g) Theo yêu cầu tuân thủ quy định FATCA.

h) Theo yêu cầu của bên thứ ba được khách hàng đồng ý hoặc uỷ quyền.

i) Nhằm thực hiện các mục đích xử lý dữ liệu cá nhân, BIDV có thể phải cung cấp, chuyển dữ liệu cá nhân liên quan thuộc Tổ chức cho bên thứ ba và các bên thứ ba này có thể có trụ sở tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam. Khi thực hiện cung cấp, chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài, BIDV yêu cầu bên thứ ba tiếp nhận đảm bảo an toàn, bảo mật đối với dữ liệu cá nhân được cung cấp và chuyển giao. BIDV cam kết tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật Việt Nam để bảo vệ an toàn cho dữ liệu cá nhân.

j) Theo yêu cầu của đơn vị cung cấp đối với các dịch vụ liên quan đến bên thứ ba gồm: Ngân hàng, Ngân hàng giữ Tài khoản Nostro của BIDV, Tổ chức thẻ, đơn vị cung cấp hàng hóa dịch vụ cho khách hàng để thực hiện việc đối soát số liệu, thanh toán, xử lý khiếu nại và các công việc khác nhằm cung cấp dịch vụ, ưu đãi, khuyến mại cho khách hàng.

k) Cung cấp cho nhân viên của BIDV và/hoặc bên thứ ba khi nhân viên này và/hoặc bên thứ ba cần phải biết thông tin để: (i) Thực hiện các yêu cầu của KH; (ii) Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ, xử lý giao dịch và xử ký khiếu nại (nếu có); (iii) Khuyến mại, cung cấp ưu đãi

l) Theo yêu cầu của các Tổ chức thẻ.

m)Theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền khác

n) Trường hợp khác theo quy định Pháp luật.

14.4 **Khách hàng hiểu và đồng ý rằng**

a) BIDV có thể sử dụng số điện thoại, email và các thông tin cá nhân đã được KH cung cấp tại các Biểu mẫu Đăng ký/Đề nghị thay đổi bổ sung thông tin KH, thông tin giao dịch của KH phát sinh trong quá trình sử dụng mọi dịch vụ do BIDV cung cấp,thông tin sinh trắc học mà KH đã cung cấp cho ngân hàng; để xác thực thân nhân của KH đó, sử dụng các dịch vụ ngân hàng qua các kênh giao dịch trực tuyến, triển khai liên hệ tới KH trong các chương trình chăm sóc KH chủ động, khảo sát, tiếp thị, hướng dẫn KH đăng ký/đăng ký trực tiếp sản phẩm dịch vụ của BIDV qua Tổng đài; gửi thông báo dịch vụ Ngân hàng.

b) BIDV lưu giữ hình ảnh của khách hàng chia sẻ, sử dụng trong các dịch vụ Ngân hàng điện tử (do BIDV cung cấp hoặc do BIDV kết nối với đối tác xây dựng) trên môi trường trực tuyến điện toán đám mây.

c) BIDV sử dụng công cụ đo lường và phân tích của các đối tác trong và ngoài nước để thu thập thông tin định danh kỹ thuật liên quan đến loại trình duyệt, thiết bị, mã quảng cáo khi khách hàng

xem và tương tác với quảng cáo và thao tác trên các màn hình ứng dụng của BIDV để giúp BIDV đánh giá và đo lường hiệu quả các chiến dịch tiếp thị (các thông tin này không bao gồm thông tin nhận dạng cá nhân cụ thể khách hàng, email hoặc số điện thoại của khách hàng).

d) Khách hàng hiểu rằng nếu khách hàng tải và mở ứng dụng hoặc đăng nhập vào ứng dụng và trở thành khách hàng của BIDV từ các kênh quảng cáo mà khách hàng đã cho phép nhà cung cấp mạng xã hội chia sẻ với BIDV, việc BIDV thu thập được các thông tin định danh kỹ thuật tại mục (c) nói trên chỉ nhằm phục vụ đánh giá và đo lường hiệu quả các chiến dịch tiếp thị. Thông tin mà BIDV thu thập được phụ thuộc vào việc cài đặt quyền riêng tư mà khách hàng đã đặt với nhà cung cấp mạng xã hội của mình, hoặc các chợ ứng dụng (Apple Store, Google Play).

ĐIỀU 17: LUẬT ĐIỀU CHỈNH - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

11.1 Hợp đồng này được lập và điều chỉnh bởi luật pháp Việt Nam.

11.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp giữa BIDV và Chủ Thẻ, các bên sẽ ưu tiên giải quyết bằng thỏa thuận, thương lượng, hoà giải. Trường hợp không thể giải quyết bằng thỏa thuận, thương lượng, hoà giải thì tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân nơi có trụ sở của Chi nhánh BIDV ký Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng doanh nghiệp giải quyết theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

11.3 Nếu bất kỳ một hay nhiều điều khoản và điều kiện của Bản điều khoản và điều kiện chung này hay bất kỳ phần nào của Bản điều khoản và điều kiện chung này trở nên không hợp lệ, không giá trị hoặc không thể thi hành theo bất kỳ luật áp dụng trong bất kỳ phạm vi quyền hạn nào thì nó sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp pháp, hiệu lực và thi hành của những điều khoản và điều kiện còn lại của Bản Điều khoản và điều kiện chung này ở phạm vi quyền hạn đó và/hoặc bất cứ phạm vi quyền hạn nào khác.

11.4 Việc chưa hoặc chậm trễ thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của BIDV theo như Bản Điều khoản và điều kiện chung này sẽ không được coi như là từ bỏ toàn bộ hay một phần quyền hạn và nghĩa vụ của BIDV trừ khi BIDV có thông báo bằng văn bản về sự khước từ quyền hạn và nghĩa vụ của mình.

11.5 Trường hợp Chủ Thẻ vi phạm nghĩa vụ thông báo về sự thay đổi địa chỉ kinh doanh/địa chỉ hợp pháp mới và/hoặc địa chỉ của Chủ Thẻ phụ theo quy định tại Điều 14 Bản Điều khoản và điều kiện chung này, Chủ Thẻ được xem là giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp này, nơi cư trú nêu tại văn bản này là nơi cư trú cuối cùng của Chủ Thẻ. BIDV được quyền yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Chủ Thẻ chấp nhận việc Tòa xét xử vụ án vắng mặt, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Chủ Thẻ.

11.6 Trường hợp Tòa án buộc Chủ Thẻ phải trả nợ, Chủ Thẻ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và chịu mọi chi phí phát sinh của BIDV trong quá trình khởi kiện gồm chi phí đi lại, phí luật sư (trường hợp thuê luật sư) và các chi phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 18: CÁC THỎA THUẬN KHÁC

13.1 Khách hàng có nghĩa vụ cập nhật các loại hình, thủ đoạn tội phạm được đăng tải trên các kênh thông tin chính thống (website Bộ Công an, ứng dụng VNEID …) và thông báo của Ngân hàng để chủ động phòng tránh các rủi ro có thể gặp phải khi sử dụng Thẻ.

13.2 Chủ thẻ đồng ý để BIDV toàn quyền sử dụng, lưu trữ thông tin liên lạc đã đăng ký với BIDV như số điện thoại, địa chỉ hộp thư điện tử… và thông tin liên quan đến các giao dịch thẻ thông qua BIDV trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam cho các mục đích mà Ngân hàng cho là cần thiết, không trái với quy định của pháp luật và của BIDV từng thời kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn việc việc cung cấp thông tin cho các tổ chức cung cấp sản phẩm liên quan đến hoạt động tín dụng, các công ty con/công ty liên kết của BIDV để thực hiện các công tác khảo sát, thực hiện các chương trình chăm sóc khách hàng, giới thiệu, tư vấn về các chương trình/sản phẩm dịch vụ mới của ngân hàng, các

hoạt động/chương trình khuyến mại và các mục đích khác nhằm cải thiện, cải tiến dịch vụ thẻ của BIDV.

13.3 Chữ ký điện tử của Chủ Thẻ được tạo lập theo khoản 1.14 Điều 1 Bản các điều khoản và điều kiện này (khi BIDV triển khai) có giá trị pháp lý như chữ ký tay của Chủ Thẻ trên văn bản giấy. Chủ Thẻ không thể hủy, thay đổi, phủ nhận bất kỳ giao dịch nào thực hiện với chữ ký điện tử đã được tạo lập.

13.4 BIDV có quyền bù trừ các nghĩa vụ của Khách hàng đối với BIDV theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc các văn kiện tín dụng, văn kiện bảo đảm được xác lập với BIDV thông qua phương thức: (i) trích tài khoản tiền gửi (bao gồm nhưng không giới hạn tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các tài khoản tiền gửi khác của Khách hàng mở tại các Chi nhánh trong hệ thống BIDV); và/hoặc (ii) chủ động đối trừ bất kỳ nghĩa vụ nào khác của Khách hàng tại BIDV. BIDV không phải thông báo cho Khách hàng, bên thứ ba trước khi thực hiện bù trừ nghĩa vụ.

13.5 Bất khả kháng:

a. Sự kiện bất khả kháng: Là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được vàkhông thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

b. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng và tác động của sự kiện đó tới việc thực hiện Hợp đồng trong vòng 10 ngày từ khi phát sinh sự kiện, và trong vòng 15 ngày Chủ Thẻ phải gửi văn bản cho BIDV mô tả chi tiết về nguyên nhân của sự kiện, ảnh hưởng của sự kiện đối với việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng và gửi kèm các xác nhận của chính quyền địa phương về việc xảy ra sự kiện bất khả kháng, BIDV thông báo cho Chủ Thẻ theo các phương thức được quy định tại Điều 14. Quá thời hạn trên, nếu bên bị ảnh hưởng không thực hiện các thủ tục theo quy định tại khoản này, bên đó phải bồi thường cho những tổn thất phát sinh (nếu có);

c. Trong khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm thực hiện ngay các biện pháp thích hợp để giảm thiểu hoặc loại bỏ hậu quả củưa sự kiện bất khả kháng đó, và vẫn phải cố gắng thực hiện các nghĩa vụ trong hoàn cảnh thực tế và khả năng cho phép;

d. Ngay sau khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, nghĩa vụ của các Bên theo Hợp đồng ngay lập tức được phục hồi lại. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thực hiện ngay các nghĩa vụ mà mình chưa thực hiện được trong thời gian xảy ra bất khả kháng, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác;

e. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài quá 6 tháng hoặc gây ra hậu quả nghiêm trọng dẫn đến các Bên không thực hiện được Hợp đồng này, thì BIDV có quyền chấm dứt sử dụng Thẻ của Chủ thẻ. Việc BIDV xử lý khi chấm dứt sử dụng Thẻ trong trường hợp này được thực hiện theo Điều 12 bản Điều khoản và điều kiện này.

ĐIỀU 19: SỬA ĐỔI BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

15.1 Các văn bản chỉnh sửa, bổ sung Bản Điều khoản và điều kiện chung này và các tài liệu kèm theo (nếu có), các thỏa thuận, đề nghị thay đổi HMTD, đề nghị thay đổi biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm, hợp đồng bảo đảm là một bộ phận không tách rời của Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng doanh nghiệp và ràng buộc trách nhiệm đối với các bên.

15.2 Hợp đồng đã sửa đổi, bổ sung có hiệu lực vào ngày được ghi trong thông báo hoặc ngày gửi thông báo. Chủ Thẻ được coi là chấp thuận với các nội dung Hợp đồng đã sửa đổi, bổ sung nếu Chủ Thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ và không thực hiện chấm dứt sử dụng Thẻ. Trường hợp Chủ Thẻ không

đồng ý với các nội dung Hợp đồng đã sửa đổi, Chủ Thẻ cần có thông báo chính thức bằng văn bản gửi tới BIDV.

ĐIỀU 20: NGÔN NGỮ

16.1 Ngôn ngữ chính sử dụng trong Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng doanh nghiệp, các tài liệu liên quan giữa BIDV và Chủ Thẻ là tiếng Việt.

16.2 Trong trường hợp có bên nước ngoài tham gia, các bên có thể thỏa thuận sử dụng tiếng nước ngoài thông dụng kèm theo bản tiếng Việt. Trong trường hợp có sự sai khác về nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt có giá trị sử dụng.

ĐIỀU 21: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

21.1. Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng doanh nghiệp BIDV này có hiệu lực áp dụng từ ngày ban hành cho việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tổ chức của Chủ thẻ tại BIDV, trừ quy định tại Khoản 21.2 Điều này.

21.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Chủ thẻ thực hiện giao kết Hợp đồng và chấm dứt sau 60 (sáu mươi) ngày đối với thẻ JCB và 30 (ba mươi) ngày đối với các loại thẻ khác kể từ ngày thẻ bị chấm dứt sử dụng theo quy định tại Điều 12 Bản điều khoản và điều kiện này, với điều kiện Chủ thẻ đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi, phí (nếu có) và giải quyết dứt điểm mọi khiếu nại, tranh chấp liên quan đến giao dịch thẻ phát sinh từ Hợp đồng. Khi các điều kiện trên được đáp ứng, Hợp đồng được coi là thanh lý. Đối với Hợp đồng phát hành thẻ kèm cấp hạn mức tín dụng, Hợp đồng chỉ được coi là đã thanh lý sau khi hạn mức tín dụng được chấm dứt theo quy định của BIDV.

21.4. BIDV có quyền chuyển nhượng hoặc ủy thác các quyền của BIDV theo Bản Điều khoản và điều kiện chung này cho bên thứ ba mà không cần có sự chấp thuận của Chủ Thẻ.

21.5. Quyền sở hữu Thẻ thuộc về BIDV và không thể chuyển nhượng Thẻ cho bất kỳ người nào khác. Chủ Thẻ phải thực hiện hoàn trả Thẻ cho BIDV ngay lập tức theo yêu cầu của BIDV tại bất kỳ thời điểm nào.

21.6. Những nội dung không quy định trong Bản điều khoản và điều kiện chung này sẽ được áp dụng theo quy định pháp luật, và các quy định và quy chế khác của BIDV, các thỏa thuận cam kết giữa Chủ Thẻ với BIDV.